

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa phục vụ đề tài tốt nghiệp HK2 cho Khoa Hóa học năm học 2025-2026, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Yêu cầu đơn vị báo giá tuân thủ theo số thứ tự danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá (Phụ lục 1), đối với mục hàng hóa không báo giá được giữ nguyên tên hàng hóa, để trống đơn giá.**
- Tiếp nhận báo giá theo hình thức:
 - Nhận trực tiếp: Phòng Quản trị Thiết bị - A04 - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, TP. HCM. Số điện thoại: 028 38304094.
 - Nhận qua Email: ctkoanh@hcmus.edu.vn/Zalo: 0946855575 - Cao Thị Kiều Oanh.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày thông báo **đến hết ngày 19 tháng 10 năm 2025.**
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Báo giá có hiệu lực: Tối thiểu 120 ngày, **kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2025.**

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục các mặt hàng yêu cầu báo giá tại Phụ lục 1.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng **120 ngày** (bao gồm thứ bảy, chủ nhật và các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).
- Điều khoản thương mại:
 - Tạm ứng: không áp dụng.
 - Phương thức thanh toán: thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng.
 - Thời hạn thanh toán: trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.
- Điều khoản giao hàng/bảo hành/khắc phục sửa chữa:
 - Địa điểm giao hàng: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên- số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán và Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phương thức giao hàng: Bàn giao hàng hóa, kiểm tra thông số, số lượng và hướng dẫn sử dụng (nếu có).
- Địa điểm bảo hành: Trường Đại học Khoa học tự nhiên, số 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán và Khu đô thị Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thay thế nguyên vật liệu bị hỏng do điều kiện bảo quản của nhà cung cấp: nứt, bể, vỡ trong quá trình vận chuyển... nhanh nhất (trong vòng 24 giờ) trừ trường hợp bất khả kháng (công văn yêu cầu xác nhận thực tế).

5. Thành phần hồ sơ báo giá:

- Báo giá: Theo mẫu báo giá đính kèm tại Phụ lục 2.
- Giấy đăng ký kinh doanh phù hợp với nội dung báo giá.
- Văn bản minh chứng đơn vị báo giá có tên trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

6. Các thông tin khác:

- Tổng giá trị của hàng hóa trong báo giá đã bao gồm thuế, phí và các loại chi phí khác theo quy định hiện hành.
- Điều kiện đảm bảo khác: Đảm bảo cung cấp hàng hóa, cam kết thực hiện được dịch vụ đổi trả nếu hàng hóa xảy ra các vấn đề liên quan đến chất lượng trong quá trình sử dụng khi bên mua có yêu cầu...

Trân trọng thông báo.

TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG QUẢN TRỊ THIẾT BỊ

(Đã ký)

Lê Thị Nga

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HÓA YÊU CẦU BÁO GIÁ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
1	Bản mỏng silica gel 60 F254	1.05554.0001			Đức	Merck	Tấm nhôm 20x20cm	Hộp 25c	1		1
2	Fiol 10mL				Đức	Isolab		Cái	1		2,34,35,26
3	Fiol 25mL				Đức	Isolab		Cái	1		2,34,35,26
4	Fiol 50mL				Đức	Isolab		Cái	1		2,34,35,26
5	Fiol 100mL				Đức	Isolab		Cái	1		2,34,35,26
6	Fiol 250mL				Đức	Isolab		Cái	1		2,34,35,26
7	Fiol 500mL				Đức	Isolab		Cái	1		2,34,35,26
8	Fiol 1000mL				Đức	Isolab		Cái	1		2,34,35,26
9	Ống đong thủy tinh 10mL				Đức	Isolab		Cái	1		2,34,35,26
10	Ống đong thủy tinh 25mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		2,34,35,26
11	Ống đong thủy tinh 50mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		2,34,35,26
12	Ống đong thủy tinh 100mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		2,34,35,26
13	Ống đong thủy tinh 250mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		2,34,35,26
14	Ống đong thủy tinh 500mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		2,34,35,26
15	Erlen 50mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		2,34,35,26
16	Erlen 100mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		2,34,35,26
17	Erlen 250mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		2,34,35,26
18	Erlen 500mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		2,34,35,26
19	Erlen 1000mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		2,34,35,26
20	Erlen cổ nhám 100mL				Đức	Duran		Cái	1		2,34,35,26
21	Erlen cổ nhám 250mL				Đức	Duran		Cái	1		2,34,35,26
22	Erlen cổ nhám 500mL				Đức	Duran		Cái	1		2,34,35,26
23	Erlen cổ nhám 1000mL				Đức	Duran		Cái	1		2,34,35,26
24	Beaker 50mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		2,34,35,26
25	Beaker 100mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		2,34,35,26
26	Beaker 250mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		2,34,35,26

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
27	Beaker 500mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		2,34,35,26
28	Beaker 1000mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		2,34,35,26
29	Beaker 2000mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		2,34,35,26
30	Phễu thủy tinh Φ 75mm				Trung Quốc	Genlab		Cái	1		2,34,35,26
31	Phễu thủy tinh Φ 120mm				Trung Quốc	Genlab		Cái	1		2,34,35,26
32	Bình cô quay 100mL nhám 29/32				Đức	Duran		Cái	1		2,34,35,26
33	Bình cô quay 250mL nhám 29/32				Đức	Duran		Cái	1		2,34,35,26
34	Bình cô quay 500mL nhám 29/32				Đức	Duran		Cái	1		2,34,35,26
35	Bình cô quay 1000mL nhám 29/32				Đức	Duran		Cái	1		2,34,35,26
36	Vòng bản nhỏ (đường kính 80mm)				Đức	Asisstant		Cái	1		2,34,35,26
37	Vòng bản vừa (đường kính 110mm)				Đức	Asisstant		Cái	1		2,34,35,26
38	Vòng bản lớn (đường kính 140mm)				Đức	Asisstant		Cái	1		2,34,35,26
39	Ống nghiệm 10mL (16x100mm) có nắp				Đức	Isolab		Hộp 100c	1		2,34,35,26
40	Ống nghiệm 10mL (16x100mm) không nắp				Đức	Isolab		Hộp 100c	1		2,34,35,26
41	Bản mỏng silica gel 60 F254	1.05554.0001			Đức	Merck	Tấm nhôm 20x20cm	Hộp 25c	1		2,34,35,26
42	Bảng mỏng silica gel pha đảo 60 RP-18 F254S	1.05559.0001			Đức	Merck	Tấm nhôm 20x20cm	Hộp 20c	1		2,34,35,26
43	Silicagel pha thường 60, 0,04-0,06mm	GE0048005P			Tây Ban Nha	Scharlau	Kích thước hạt 0.04-0.06mm	Thùng x 5kg	1		2,34,35,26

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
44	Silicagel pha thườngng 60, 0,04-0,06mm				Tây Ban Nha	Scharlau	Kích thước hạt 0.04-0.06mm	Thùng x 10kg	1		2,34,35,26
45	Silicagel pha thườngng 60, 0,04-0,06mm	GE0048025P			Tây Ban Nha	Scharlau	Kích thước hạt 0.04-0.06mm	Thùng x 25kg	1		2,34,35,26
46	Folin-Ciocalteu phenol reagent	RE00180250			Tây Ban Nha	Scharlau		Chai 250mL	1		2,34,35,26
47	Folin-Ciocalteu phenol reagent	1.09001.0100			Đức	Merck		Chai 100mL	1		2,34,35,26
48	H2SO4	7664-93-9			Trung Quốc	Xiong		Chai 500mL	1		2,34,35,26
49	H3PO4	7664-38-2			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		2,34,35,26
50	Isopropyl alcohol	67-63-0			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		2,34,35,26
51	Dichloromethane	75-09-2			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		2,34,35,26
52	Hexane	110-54-3			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		2,34,35,26
53	Chloroform	67-66-3			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		2,34,35,26
54	Acetone	66-64-1			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		2,34,35,26
55	Ethyl acetate	141-78-6			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		2,34,35,26
56	Methanol	67-56-1			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		2,34,35,26
57	Ethanol	64-17-5			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		2,34,35,26
58	FeCl3	10025-77-1			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		2,34,35,26
59	AlCl3.6H2O	7784-13-6			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		2,34,35,26
60	NaCl	7647-14-5			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		2,34,35,26
61	NaH2PO4.2H2O	13472-35-0			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		2,34,35,26

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
62	Na ₂ HPO ₄ .12H ₂ O	13472-35-0			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		2,34,35,26
63	KBr	03/02/7758			Đức	Merck		Chai 100g	1		2,34,35,26
64	Na ₂ SO ₄	497-19-8			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		2,34,35,26
65	Na ₂ CO ₃	497-18-8			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		2,34,35,26
66	Cồn 96				Việt Nam	Công nghiệp		Lít	1		2,34,35,26
67	Giấy lọc 60x60	103-600			Đức	Newstar		Tờ	1		2,34,35,26
68	Eppendorf 2mL	60-0082			Mỹ	Biologix		Hộp 500 cái	1		2,34,35,26
69	Đầu bóp pasterpipet silicon	D00018			Trung Quốc	Onelab		Cái	1		2,34,35,26
70	Chổi rửa dụng cụ mềm, lớn				Việt Nam			Cái	1		2,34,35,26
71	Chổi rửa dụng cụ mềm, nhỏ				Việt Nam			Cái	1		2,34,35,26
72	Ống mao quản	2900000			Đức	Marienfeld		Hộp	1		2,34,35,26
73	Ca nhựa 500 mL				Đức	Isolab		Cái	1		2,34,35,26
74	Ca nhựa 2L				Đức	Isolab		Cái	1		2,34,35,26
75	Giấy nhôm				Việt Nam			Hộp	1		2,34,35,26
76	Màng bọc thực phẩm				Việt Nam			Hộp	1		2,34,35,26
77	Pasterpipet thủy tinh loại ngắn				Đức	Hirschmann		Hộp 250c	1		2,34,35,26
78	Pasterpipet thủy tinh loại dài				Đức	Hirschmann		Hộp 250c	1		2,34,35,26
79	Bắc đèn cồn	DC002/001			Trung Quốc	Onelab		Cái	1		2,34,35,26
80	Găng tay y tế				Việt Nam			Hộp	1		2,34,35,26
81	Khẩu trang 4U				Việt Nam			Hộp	1		2,34,35,26
82	Nước rửa chén				Việt Nam			Chai	1		2,34,35,26
83	Nước lau sàn				Việt Nam			Chai	1		2,34,35,26
84	Nước rửa tay				Việt Nam			Chai	1		2,34,35,26
85	Túi rác lớn				Việt Nam			Chai	1		2,34,35,26

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
86	Cây lau nhà				Việt Nam			Cây	1		2,34,35,26
87	Chổi				Việt Nam			Cây	1		2,34,35,26
88	Chloroform công nghiệp				Thái Lan			250kg/ph uy	1		3.5
89	Hexane công nghiệp				Malaysia			138kg/ph uy	1		3.5
90	Ethyl acetate công nghiệp				Thái Lan			180kg/ph uy	1		3.5
91	Bộ dụng cụ đa năng 108 món Bosch		Bosch					Bộ	1		4
92	Benzyl alcohol				Trung Quốc			Chai 500 mL	5		4
93	HCl				Trung Quốc			Chai 500 mL	3		4
94	HNO3				Trung Quốc			Chai 500 mL	3		4
95	H2O2				Trung Quốc			Chai 500 mL	3		4
96	Adapter gắn bóng khí, có van teflon, size 24/29							Cái	5		4
97	Adapter gắn bóng khí, có van teflon, size 32/29							Cái	5		4
98	Cọ rửa ống nghiệm (Cọ rửa nhỏ)							Cái	20		4
99	Pipette tự động 1 ml							Cái	2		4
100	Bình tia 500mL							Cái	10		4
101	Bịch nilon kiếng 7 x 14 cm				Việt Nam			kg	1		4
102	Túi xốp 20x20 cm				VN			kg	1		4
103	Khăn lau bàn ghế 30×30 (cm)				TQ			kg	1		4
104	NaHCO3				Trung Quốc			Chai 500g	1		4

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
105	Chén nung 100 ml bằng sứ có nắp đậy				Trung Quốc			Cái	10		4
106	Bình cầu đáy tròn 2 cổ 250ML 24/29 & 19/26	BLS.1210.04 P	Biohall Germany		Germany			Cái	5		4
107	Bình cầu đáy tròn 2 cổ 250ML 32/29 & 19/26	BLS.1210.04 P	Biohall Germany		Germany			Cái	5		4
108	Fiol 25mL		Isolab					Cái	3		4
109	Ống ly tâm 50 mL Falcon		Falcon					Cái	100		4
110	Thùng rác có nắp đậy Inochi 20 L		Inochi					Cái	1		4
112	KCl				Trung Quốc			Chai 500g	1		4
113	túi rác				TQ			kg	10		7
114	K ₄ Fe(CN) ₆				TQ			chai/500g	5		7
115	CuSO ₄ .5H ₂ O				TQ			chai/500g	2		7
116	Can nhựa vuông HDPE 30 lít				VN		Vật liệu; nhựa HDPE. Thể tích: 30 lít. Loại: dày chứa hóa chất	cái	6		7
117	paste pipet							hộp/500 cái	2		7
118	eppendorf 2.5mL							hộp/500 cái	2		7
119	MnSO ₄				TQ			chai/500g	10		7
120	Na ₂ S ₂ O ₈				TQ			chai/500g	10		7
121	H ₂ O ₂				TQ			thùng/10c hai	2		7
122	Chai trung tính Scott duran 25mL							hộp/10	5		7

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
123	Chai trung tính Scott duran 50mL							hộp	3		7
124	Micropipet 10 mL							cái	5		7
125	Giấy cân 10x10cm				TQ			hộp/100 tờ	5		7
126	Giấy pH 1-14				TQ			Hộp/20 tập	1		7
127	Muỗng nhựa 20cm				VN			cái	5		7
128	Xe đẩy hàng 4 bánh gấp gọn GIGA 150kg	SY8023						cái	1		7
129	Dụng cụ khuấy từ gia nhiệt	MS-H280-Pro			TQ		– Đĩa đặt mẫu : bằng thép không rỉ với lớp phủ bằng gốm có tính kháng hóa chất tốt – Kích thước đĩa : Ø 135 – Động cơ : DC không chổi than – Công suất gia nhiệt : 500 W – Vị trí khuấy : 1 – Thể tích khuấy : 3 lít (H₂O) – Kích cỡ cá từ (max) : 50 mm – Tốc độ khuấy : 100 – 1500 rpm, độ phân giải ± 1 rpm – Màn hình hiển thị tốc độ khuấy / nhiệt độ : LED – Điều khiển tốc độ khuấy và nhiệt độ :	cái	2		7

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
							núm vặn chia vạch				
130	Micropipette 1000-5000ul		Phoenix		Đức			cái	5		7
131	Silica gel self indicators							chai/500g	6		7
132	Điện cực glassy carbon GCeT (đường kính trong: 3 mm)	13714	ALS					cái	1		7
133	Điện cực Platinum PTE (đường kính trong: 3 mm)	002422	ALS					cái	1		7
134	Sample holder đĩa 9.0 mm (22 pcs)	012307	ALS					cái	1		7
135	Sample holder đĩa 9.0 mm (2 pcs)	012177	ALS					cái	1		7
136	Methyl orange				Trung quốc	Xilong		Chai 25g	2		8
137	Congo red				Trung quốc	Xilong		Chai 25g	2		8

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
138	Methyl red				Trung quốc	Xilong		Chai 25g	2		8
139	NaBH ₄				Trung quốc	Xilong		Chai 100g	1		8
140	Tetracycline Hydrochloride				Trung quốc	Xilong		Chai 25g	2		8
141	bút đo pH, Hanna	HI98103 Checker	Hanna		Hàn quốc	Xilong		cái	1		8
142	Đũa Thủy tinh dài 40cm, đường kính 10mm				Trung quốc	Xilong		cây	10		8
143	Chén sứ nung có nắp đậy 100 ml				Trung quốc			cái	30		8
144	Micropipette 1-10ml	Phoeninx instrument			đức			cái	1		8

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
145	Máy khuấy từ gia nhiệt	RSM-01HP	Phoenix Instrument - Germany		Đức		Model: RSM-01HP Hãng: Phoenix Instrument Germany (SX: Tại TQ) Bảo hành: 12 tháng Cung cấp bao gồm + Máy chính + Dây nguồn + Hướng dẫn sử dụng Anh/Việt Mô tả thiết bị : - Đĩa đặt mẫu : bằng thép không rỉ với lớp phủ bằng gốm có tính kháng hóa chất tốt - Kích thước đĩa : Ø 135 - Động cơ không chổi than hoạt động lâu bền - Công suất gia nhiệt : 500 W - Vị trí khuấy : 1 - Thể tích khuấy : 20 lít (H ₂ O) - Kích cỡ cá từ (max) : 80 mm - Tốc độ khuấy : 0 - 1500 rpm, độ phân giải ± 1 rpm - Phạm vi nhiệt độ môi trường xung quanh lên đến 340	cái	2		8

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
							°C - Nhiệt độ an toàn cố định là 350°C - Hiện thị nhiệt độ chính xác : $\pm 0.5^{\circ}\text{C}$ - Điều khiển tốc độ khuấy và nhiệt độ : núm vặn chia vạch - Môi trường : 5 - 40°C , 80% RH - Kích thước (W x D x H) : 160 x 280 x 85 mm - Trọng lượng : 2.8 kg - Nguồn điện : 220V, 50/60Hz, 530W				

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
146	Ổ cắm kéo dài đa năng Lioa 3 ổ cắm (Công suất tối đa 2200W, Max 10A, 250V Số ổ cắm: 3 ổ Số lõi dây: 2 lõi Chiều dài dây: 5m	3D52N	Lioa		Việt nam			bộ dây	4		8
147	bột keo PvDF (polyvinylidene-fluoride)	Cas 9003-39-8)			trung quốc			chai 1kg	1		8
148	Bóng đèn ULTRA VITALUX 300 W 230 V E27	Osram			Slovakia		Công suất: 300W Điện thế: 230V Công suất bức xạ (315 - 400nm): 13.6 W Kiểu đuôi đèn: E27 Tuổi thọ: khoảng 1000 giờ	bóng	1		8
149	Silica gel Himedia (200-400 Mesh)				India			lọ	4		9
150	Silica gel 60 F254 25 TLC aluminim sheet/ 25 tờ/hộp				Germany	Merck		hộp	3		9
151	Silicon tube (35g/ống) dạng mỡ				USA			tuýp	4		9
152	Becher 250 mL				Trung quốc			lọ	10		9
153	2',4',6'-Trihydroxyacetophenone (5 g/chai)					Thermo		chai	1		9
154	2'-Hydroxy-5'-methoxyacetophenone (5 g/chai)					Thermo		chai	1		9

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
155	2-Amino-5-chlorobenzaldehyde (25g/chai)					Thermo		chai	1		9
156	2-Aminobenzaldehyde (25g/chai)					Thermo		chai	1		9
157	1-(3-amino-2-hydroxyphenyl)ethanone (25g/chai)					Thermo		chai	1		9
158	Ethanol công nghiệp				Việt Nam			Can 30 lít	1		10
159	Acetone công nghiệp				Việt Nam			Can 30 lít	1		10
160	Acid acetic				Trung Quốc	Xilong		chai 500ml	4		10
161	HCl				Trung Quốc	Xilong		chai 500ml	2		10
162	H2SO4				Trung Quốc	Xilong		chai 500ml	2		10
163	Melamine				Ấn Độ	Oxford		Chai 500g	2		10
164	ammonium carbonate				Trung Quốc	Xilong		chai 500ml	4		10
165	Micropipet				Trung Quốc	Dragon Lab		Cái	1		10
166	Toluene				Trung Quốc	Xilong		chai 500ml	4		10
167	Ethyl acetate				Trung Quốc	Xilong		chai 500ml	3		10
168	H2O2				Trung Quốc	Xilong		chai 500ml	6		10
169	Găng tay y tế				Việt Nam			Hộp	3		10
170	Dibutyltin dilaurate				Trung Quốc	Xilong		chai 500g	1		10
171	Titania past, transparent, Sigma Aldrich	791547-20g				Sigma Aldrich		Chai 20g	1		11.37

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
172	1-ethyl-3-methylimidazolium iodide, 97%, Sigma Aldrich	713031-50g				Sigma Aldrich		Chai 50g	1		11.37
173	Platinum paste, Sigma Aldrich	791512-20g				Sigma Aldrich		Chai 20g	1		11.37
174	1-Ethyl-3-methylimidazolium tetracyanoborate, Sigma Aldrich	742099-80-5				Sigma Aldrich		Chai 25g	1		11.37
175	1-methylbenzimidazole, Sigma Aldrich	3399353-5g				Sigma Aldrich		chai 5g	1		11.37
176	Titanium tetrachloride	7550-45-0						Chai 500 ml	1		11.37
177	Methylammonium iodide, 98% – Sigma Aldrich	793493-5G				Sigma Aldrich		Chai 5G	1		11.37
178	Monochlorobenzene, Xilong	108-90-7				Xilong, TQ		Chai 500 g	1		11.37
179	Terpineol, Sigma Aldrich	8000-41-7				Sigma Aldrich		Chai 1kg	1		11.37
180	Methanol >99%, Xilong	67-56-1				Xilong, TQ		Chai 500ml,	1		11.37
181	Methanol HPLC 4L – mã sản phẩm ME03374000 - hãng Scharlau	67-56-1				Scharlau		Chai 4L	1		11.37
182	Diethyl ether, Xilong	60-29-7				Xilong, TQ		Chai 500 ml	1		11.37
183	Ethanol, Sigma Aldrich	64-17-5				Sigma Aldrich		Chai 500 ml	1		11.37

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
184	Tetrabutylammonium tetrafluoroborate, Sigma Aldrich, 99 %, Thụy Sĩ	429-42-5				Sigma Aldrich		Chai 25g và 100g	1		11.37
185	Dopamine					Tất cả các hãng		Chai	1		11.37
186	Titania paste, reflector	791539				Sigma Aldrich		Chai 20 g	1		11.37
187	Melamine (C ₃ H ₆ N ₆)	M2659			Hoa Kỳ	Sigma-Aldrich	200g	chai	1	purity >99% https://www.sigmaaldrich.com/VN/en/product/aldrich/m2659?srltid=AfmBOoptlk4Z-sKXuIGghaE6RUWpiJSZbDMytSBUu6bu4pHWNr4MoyCA	12
188	1-Butyl-3-methylimidazolium chloride (BMIMCl, C ₈ H ₁₅ ClN ₂)	94128			Hoa Kỳ	Sigma-Aldrich	50g	chai	1	purity >98% https://www.sigmaaldrich.com/VN/en/product/aldrich/94128	12
189	200 mL Stainless Steel Hydrothermal Synthesis Autoclave				Ấn Độ	AntsLab	200 mL	cái	1	chịu nhiệt độ thường xuyên 200-220oC https://www.antslab.in/product/hydrothermal-autoclave-reactor/?srltid=AfmBOorBlAcphepIuODSTna6nZ2pH8dhqnyYvGXkzYY3kIOA3MsstkHA&utm_source=chatgpt.com inox 304 có rod để mở khóa nắp trên	12

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
190	Silver nitrate (AgNO ₃)	209139			Hoa Kỳ	Sigma-Aldrich	25g	chai	1	ACS reagent, ≥99.0% https://www.sigmaaldrich.com/VN/en/product/sigald/209139	12
191	Nickel(II) acetate tetrahydrate (Ni(OCOCH ₃) ₂ ·4H ₂ O)	244066			Hoa Kỳ	Sigma-Aldrich	100g	chai	1	purity > 98% https://www.sigmaaldrich.com/VN/en/product/aldrich/244066	12
192	Sodium molybdate (Na ₂ MoO ₄)	243655			Hoa Kỳ	Sigma-Aldrich	100g	chai	1	purity >98% https://www.sigmaaldrich.com/VN/en/product/sigald/243655	12
193	thiourea ((NH ₃) ₂ CS)				Trung Quốc	Shanghai Zhanyun Chemical	500g	chai	5	purity >99% https://shopee.vn/Ch%E1%BA%A5t-Thiourea-99-CAS-62-56-6-CH4N2S-l%E1%BB%8D-500g-thioure-thio-ure-i.114007913.2491877080?extraParams=%7B%22display_model_id%22%3A62124704756%2C%22model_selection_logic%22%3A3%7D&sp_atk=9918de39-b492-4c27-822e-f1c376345126&xptdk=9918de39-b492-4c27-822e-f1c376345126	12

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
194	Ammonium thiocyanate (NH ₄ SCN)				Trung Quốc	Shanghai Zhanyun Chemical	500g	chai	2	Purity >98.5% https://shopee.vn/Ch%E1%BA%A5t-NH4SCN-l%E1%BB%8D-500g-Ammonium-thiocyanate-amoni-Amoni-thioxianat-i.114007913.2011641297	12
195	Bản mỏng silica gel 60 F254	1.05554.0001			Đức	Merck	Tấm nhôm 20x20cm	Hộp 25c	1		14
196	Thiết bị gia nhiệt bình cầu	98-I-B 5000ml	Onelab		TQ	Zhejiang Huili		Cái	1		14
197	Bếp nung bình cầu 5000ml	FTHM-F500	SCI FINETECH		Hàn Quốc		Gia nhiệt tối đa 450oC Điều khiển nhiệt độ qua núm vặn	Cái	1		14
198	Ethanol		Chemsol		VN	Chemsol		Chai 1L	10		15
199	Giá nâng thí nghiệm (bàn nâng) 20cmx20cm		Onelab		TQ	Onelab		Cái	1		15
200	Pipet pasteur thủy tinh kích thước 150mm		Hirschmann		Đức	Hirschmann		Hộp 250 cái	2		15
201	4-Methoxyacetophenone		Macklin		TQ	Macklin		Chai 100 g	1		15
202	3,4-Dimethoxyacetophenone		Macklin		TQ	Macklin		Chai 25 g	1		15

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
203	Dụng cụ đun khuấy từ MS-H280-Pro – 8030101212		DLAB		TQ	DLAB		cái	1		15
204	1,4-Dioxane		Xilong		TQ	Xilong		Chai 500 mL	2		15
205	2-Acetylpyrazine		Macklin		TQ	Macklin		Chai 5 g	1		15
206	N-bromosuccinimide		Macklin		TQ	Macklin		Chai 500 g	1		15
207	Diethyl ether		Chemsol		VN	Chemsol		Chai 500 mL	10		15
208	5-Hydroxymethylfurfuran		Macklin		TQ	Macklin		Chai 5g	2		15
209	Methanol (HPLC Grade 4L)		Thermo Fisher		Mĩ	Thermo Fisher		4 L	4		15
210	Ethyl acetate		Thermo Fisher		Mĩ	Thermo Fisher		2.5 L	1		15
211	Acetonitril (HPLC Grade)		Thermo Fisher		Mĩ	Thermo Fisher		4 L	1		15
212	Methyl isobutyl ketone		Macklin		TQ	Macklin		500 mL	2		15
213	Fructose		Macklin		TQ	Macklin		500 g	1		15
214	Hydrochloric acid		Xilong		TQ	Xilong		500 mL	1		15
215	Bình cầu 2 cổ 25 mL nhám 14		Duran		Đức	Duran		25 mL	5		15
216	Bình cầu 2 cổ 50 mL nhám 14		Duran		Đức	Duran		50 mL	5		15
217	Bình cầu 1 cổ 50 mL nhám 14		Duran		Đức	Duran		50 mL	3		15
218	Bình cầu 1 cổ 100 mL nhám 14		Duran		Đức	Duran		100 mL	3		15
219	Cá từ 1 cm							1 cm	20		15
220	Cá từ 2 cm							2 cm	5		15
221	Cá từ 3 cm							3 cm	5		15

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
222	Acid gallic			2025	Trung Quốc			Chai/100g	1		16.26
223	Albumin huyết thanh bò			2025	Trung Quốc			Chai/25g	1		16.26
224	AlCl ₃	7784-13-6	Xi long	2025	Trung Quốc	Xi long		Chai 500g	1		16.26
225	Bảng mỏng silica gel TLC Silica gel 60 F254	1055540001	Merck	2025				Hộp 25 tấm	5		16.26
226	Bếp điện	One-hp-1500	Onelab	2025				cái	2		16.26
227	Bình cầu cổ nhám, đáy tròn (29) 2L		Bomex	2025	Trung Quốc			cái	2		16.26
228	Bình cầu cổ nhám, đáy tròn (29) 1L		Bomex	2025	Trung Quốc			cái	5		16.26
229	Bóng đèn UV (21 cm)	G6T5	SANKY O DENKI	2025	Nhật	SANKYO DENKI	dài 21 cm, 6W	cái	2		16.26
230	Cân 2 số lẻ	FH-302A	Hengzhan	2025				cái	1		16.26
231	Diclofenac Sodium			2025	Trung Quốc			Chai/25g	1		16.26
232	Dimethyl sulfoxide	1.23041.010	GHTECH	2025				Chai/500 ml	1		16.26
233	Ethanol absolute	64-17-5	Chemsol	2025				Chai/ 1L	10		16.26
234	Ethanol CN			2025	Việt Nam			Lít	30		16.26
235	Ethyl acetate (phuy công nghiệp)			2025				phuy	1		16.26
236	Glycerine	56-81-5	Xi Long	2025	Trung Quốc	Xilong Scientific		Chai/500 ml	5		16.26
237	Hóa chất Silica gel 60; 0,06-0,2 mm	GE0049		2025	Tây Ban Nha	Scharlau		Chai/1kg	2		16.26
238	KCl			2025		Xilong Scientific		Chai/500 g	1		16.26
239	Methanol		Chemsol	2025				Chai/500 ml	5		16.26

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
240	Na ₂ CO ₃	497-19-8	Xi Long	2025	Trung Quốc	Xi Long		Chai 500g	1		16.26
241	Na ₂ HPO ₄			2025		Xilong Scientific		Chai/500g	1		16.26
242	Na ₂ SO ₄	101509010	GHTEC H	2025	Trung Quốc	GHTECH		Chai 500g	2		16.26
243	n-Butanol	71-36-3		2025				chai/500mL	10		16.26
244	Quercetin (độ tinh khiết trên 98%)	117-39-5		2025	Trung Quốc			Chai/25g	1		16.26
245	NaCrO ₂				NEI Corporation (Mỹ)			chai/50g	1		17
246	NaFePO ₄				NEI Corporation (Mỹ)			chai/50g	1		17
247	EMC				Sigma			chai/100mL	1		17
248	DEGDME				Sigma			chai/100mL	1		17
249	TEP				Sigma			chai/100mL	1		17
250	TEGDME				Sigma			chai/100mL	1		17
251	Ethanol absolute	CAS 64-17-5			Trung Quốc	GHTECH(JHD)		Chai 500 mL	10		18
252	Potassium iodide (KI)	CAS 7681-11-0			Trung Quốc	Xilong (AR)		Chai 500 g	1		18
253	Sodium sulfate anhydrous (Na ₂ SO ₄)	CAS 7757-82-6			Trung Quốc	GHTECH(JHD)		Chai 500 g	1		18

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
254	Cồn Công Nghiệp 99.9%	CAS 67-56-1			Việt Nam	QTC chemical		Can 20 L	1		18
255	Chai trung tính 250 mL	218013651			Đức	Schott duran		Bình	2		18
256	Chai trung tính 500 mL	218014459			Đức	Schott duran		Bình	2		18
257	Chai trung tính 1 L	218015455			Đức	Schott duran		Bình	2		18
258	Thuyền nung sứ vuông 60x30x15							Cái	4		18
259	Becher 1 L	ISOL.025.01.901			Mỹ	Onelab		Cái	2		18
260	Becher 2 L	ISOL.025.01.902			Mỹ	Onelab		Cái	2		18
261	Terpin hydrate							kg	1		19
262	2-Nitrobenzaldehyde, 98+%	A11501.22	Alfa Aesar					Chai/100g	1		20
263	2-Chlorobenzaldehyde	8202760250	Merck					Chai/250ml	1		20
264	m-Tolualdehyde	T35505-100G	Sigma					Chai/100g	1		20
265	m-Anisaldehyde	129658-100G	Sigma					Chai/100g	1		20
266	2-Methylbenzaldehyde		Sigma/Alfa Aesar					Chai/100g	1		20
267	Bình adapter thủy tinh 100 mL chống trào chuyển từ 24/29 sang 29/32		VN gia công					Cái	1		20

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
268	Bình adapter thủy tinh 100 mL chống trào chuyển từ 24/29 sang 14/23		VN gia công					Cái	1		20
269	Phễu lọc màng thủy tinh F52 mm, 100 mL, nhám 29/32 có vôi		VN gia công					Cái	1		20
270	Phễu lọc màng thủy tinh xốp G2, F52 mm, 100 mL, nhám 29/32 có vôi		VN gia công					hộp/100 cái	1		20
271	Chai thủy tinh Vial trắng 5ml+ Nắp vận kín		Alwsci		TQ			Chai	10		20
272	Nút silicon số 6 màu trắng, 26x32x28 mm		Onelab					cái	1		20
273	Găng tay y tế trắng, không bột	Không bột	Top Glove		Malaysia			Hộp/ 100c	1		20
274	Nhựa hấp phụ Diaion HP20		Misubishi Chemical		Nhật Bản			Bao/700 g	1		20
275	Ống bơm tay bằng thép không gỉ dùng để bơm dung môi từ phuy 200 Lít				TQ			cái	1		20
276	Thau inox loại dày, F180 mm		Kim Mã		VN			cái	1		20
277	Dầu cho máy bơm chân không TA117-1		Tasco		Nhật Bản			chai/500 mL	1		20
278	Ống nhỏ giọt thủy tinh dài 250 mm							hộp/250 c	1		20

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
279	Thiết bị rửa siêu âm 6 lít, có gia nhiệt Model: CR-031S/ONELAB	CR-031S (Degas & Semiwave)	ONELAB		Trung Quốc		Thể tích: 6.5 lít. Cung cấp bao gồm: bể chính+nắp+giá giữ mẫu+dây nguồn+ Tài liệu HDSD Kích thước bể: 300x150x150 mm. Công suất đầu siêu âm: 180 W. Tần số: 40 KHZ. Công suất điện trở gia nhiệt: 300 W. Thời gian: 0 – 30 phút.	Cái	1		21
280	Ống nghiệm COD có nắp 10mL 16x100mm.Nắp vận kín	C0002064	Alwsci		Trung Quốc		Ống nghiệm COD 10ML 16x100mm nắp vận kín 15-415 PP trắng ALWSCI C0002064 septa 1.5mm PTFE / silicon	Hộp/ 25c	1		21
281	Glycerol >99% (Glyxerin, glycerin, hay glyxerol; AR, Chai 500ML, Xilong, Cas 56-81-5)		Xilong		Trung Quốc		Độ tinh khiết 99%	Chai 500 mL	2		21
282	Bột mịn Chitosan				Việt Nam		Độ Deacetyl hóa (DD%): ~ 90%	Bịch 100 gr	1		21
283	Sodium Carbonate 99.8% (Na ₂ CO ₃ , Chai 500G, AR, Xilong, Cas 497-19-8)		Xilong		Trung Quốc		Độ tinh khiết 99%	Chai 500 gr	1		21
284	Bạc Nitrat Silver Nitrate AgNO ₃ CAS 7761-88-8		AR		Trung Quốc		Độ tinh khiết 99%	Chai 5 gr	1		21

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
285	Hóa chất Acetic Acid (AR, Xilong, Cas 64-19-7)		Xilong		Trung Quốc		Độ tinh khiết 99%	Chai 500 mL	1		21
286	Bình cầu đáy tròn cổ nhám 19/26 100 mL		Biohall Germany		Đức			Cái	4		21
287	Cá từ 10x5 mm	DCTH2704	Isolab					Con	4		21
288	sephadex lh 20, CAS: 9041-37-6							Lọ 50 gr	1		21
289	Bảng mỏng silicagel RP-18 pha đảo	1055590001	Merck					Hộp	1		21
290	Bản mỏng Silicagel 60 F254	1055540001	Merck					Hộp	1		21
291	Methyl iodide, CAS Number: 74-88-4		Macklin		Trung Quốc		Độ tinh khiết 99%	Chai 25 gr	1		21
292	Ethyl iodide, CAS Number: 75-03-6		Macklin		Trung Quốc		Độ tinh khiết 99%	Chai 100 gr	1		21
293	Ống đong 500 mL		ONELAB		Việt Nam			Cái	1		21
294	L-Proline, CAS: 147-85-3		Macklin		Trung Quốc		Độ tinh khiết 99%	Chai 500 gr	1		21
295	MeOH HPLC gradient grade (4L)	1,06018	Merck/LiChrosolv	2024-2025	Đức	Merck	>99.9% gradient grade	chai	2		22
296	Acetonitrile HPLC gradient grade (4L)	1.00030.4000	LiChrosolv	2024-2025	Đức	Merck	>99.9% gradient grade	chai	2		22
297	nắp vial HPLC	242761	Wheaton	2024-2025	Mỹ	Wheaton	Nắp PP/Septa PTFE/Silicone/PTFE	cái	100		22
298	Ethanol HPLC grade (4L)	AC611050040	Thermo Scientific	2024-2025	Mỹ	Thermo Scientific	>99.9% for LC	chai	1		22

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
299	ethanol (1L)	64-17-5	Chemsol	2024-2025	Việt Nam	Chemsol		chai	4		22
300	5-Hydroxymethylfurfuran		Macklin		TQ	Macklin		Chai 5g	1		23
301	Methanol (HPLC Grade 4L)		Thermo Fisher		Mĩ	Thermo Fisher		4 L	2		23
302	giấy lọc 180 mm		Newstar		TQ	Newstar		Hộp 180 mm	3		23
303	giấy lọc 110 mm		Newstar		TQ	Newstar		Hộp 110 mm	5		23
304	Phễu lọc 100 mm		Onelab		TQ	Onelab		Cái 100 mm	2		23
305	Phễu lọc 75 mm		Onelab		TQ	Onelab		Cái 75 mm	3		23
306	Quả bóp silicon 1 mL				TQ			1 mL	20		23
307	Micropipette 0.5-10 uL		JOANL AB		TQ	JOANLA B		Cây 10 uL	1		23
308	Micropipette 10-100 uL		JOANL AB		TQ	JOANLA B		Cây 100 uL	1		23
309	Micropipette 100-1000 uL		JOANL AB		TQ	JOANLA B		Cây 1000 uL	1		23
310	Micropipette 1000-5000 uL		JOANL AB		TQ	JOANLA B		Cây 5000 uL	1		23
311	Bình định mức 250 mL		ISOLA B		Đức	ISOLAB		Bình 250 mL	2		23
312	Bình định mức 100 mL		ISOLA B		Đức	ISOLAB		Bình 100 mL	2		23
313	Bình định mức 50 mL		ISOLA B		Đức	ISOLAB		Bình 50 mL	4		23
314	Bình định mức 20 mL		ISOLA B		Đức	ISOLAB		Bình 25 mL	4		23
315	Bình định mức 10 mL		ISOLA B		Đức	ISOLAB		Bình 10 mL	4		23

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
316	Đầu tuýp 10 uL				TQ			Túi 1000 cái	1		23
317	Đầu tuýp 200 uL				TQ			Túi 1000 cái	1		23
318	Đầu tuýp 1000 uL				TQ			Túi 500 cái	1		23
319	Đầu tuýp 5000 uL				TQ			Túi 500 cái	1		23
320	Bình trung tính 100 mL		Onelab		TQ	Onelab		Bình	2		23
321	Bình trung tính 250 mL		Onelab		TQ	Onelab		Bình	3		23
322	Bình trung tính 500 mL		Onelab		TQ	Onelab		Bình	3		23
323	AgNO ₃ 99,8%	7761-88-8	Xilong - TQ					Chai 100g	4		24
324	1-Bromobutane, ReagentPlus®, 99%, CAS number ,109-65-9	8016020100	Aldrich sigma					Chai 100mL	2		24
325	Tetramethylammonium Chloride (CAS 75-57-0)	T19526	Aldrich sigma					Chai 100g	2		24
326	Găng tay latex		VN					Hộp	10		24
327	Aceton CN		VN					Lit	20		24
328	Etanol CN		VN					Lit	20		24
329	1,1-Diphenyl-2-picrylhydrazyl >97% (DPPH, Chai 1G, TCI, Cas 1898-66-4)	D4313	CAS 1898-66-4		Nhật Bản	TCI	> 97%	lọ/1g	1		25
330	HEPES, Sodium Salt >99% (Biobasic, Cas 75277-39-3)	HB0265	75277-39-3		Canada	Biobasic	> 99%	lọ/50 g	1		25

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
331	Chai thủy tinh Vial trắng 5ml, 18x40mm+ Nắp vận kín 15-425 (màu trắng, PP)	C0000045 C0000193			Trung Quốc	Alwsci		Cái	100		25
332	Chai thủy tinh Vial trắng 10ml, 22x52mm+ Nắp vận kín 18-400 (màu trắng, PP)	C0000053 C0000221			Trung Quốc	Alwsci		Cái	100		25
333	Chai thủy tinh Vial trắng 60ml, 27.5x140mm+ Nắp vận kín 24-400 (màu trắng, PP)	C0000065 C0000216			Trung Quốc	Alwsci		Cái	100		25
334	Bếp đun bình cầu phủ vải DaiHan DH.WHM12115 (2000ml, 450°C)	DH.WHM12115			Hàn Quốc	DaiHan	Bình cầu: + Dung tích: 2000 ml + Đường kính: 165~169 mm Bếp: + Công suất: 490 W + Chiều sâu bên trong: 105 mm + Ø x h(ngoài): Ø250 x h130 mm	cái	1		25

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
335	Bếp khuấy từ gia nhiệt Faithful 98-IV-B (2×100ml; 450°C)	98-IV-B			Hàn Quốc	Faithful	*Tính năng: Quy cách (ml): 2×100 Chế độ gia nhiệt: Dẫn nhiệt bề mặt Nhiệt độ bề mặt tối đa : 450°C Phạm vi nhiệt độ: Rt+vfc20~250°C Phạm vi tốc độ: - *Kết cấu: Bộ phận làm nóng: Dây hợp kim niken crom Thanh khuấy: -	cái	1		25

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
336	Máy Khuấy Từ Có Gia Nhiệt Digital,	RSM-10HP	Model RSM-10HP		Trung Quốc	Phoenix Instrument Germany	Cung cấp bao gồm: Máy chính, giá đỡ, sensor nhiệt độ, sensor nhiệt độ PT1000-A Bảo hành: 12 tháng Mô tả thiết bị : - Đĩa đặt mẫu : bằng thép không rỉ với lớp phủ bằng gốm có tính kháng hóa chất tốt - Kích thước đĩa : Ø 135 - Động cơ : DC - Công suất gia nhiệt : 500 W - Vị trí khuấy : 1 - Thể tích khuấy: 3 lít (H2O) - Kích cỡ cá từ (max) : 50 mm - Tốc độ khuấy : 100-1500 rpm, độ phân giải ± 1 rpm - Màn hình hiển thị tốc độ khuấy / nhiệt độ : LED - Điều khiển tốc độ khuấy và nhiệt độ : nút vặn chia vạch - Phạm vi nhiệt độ môi trường xung quanh lên đến 280 °C, bước tăng 1 ° C	Cái	1		25

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
							- Nhiệt độ an toàn cố định là 320°C - Hiện thị nhiệt độ chính xác : $\pm 1^{\circ}\text{C}$ - Bộ điều khiển nhiệt độ với can nhiệt PT1000 (độ chính xác $\pm 0.2^{\circ}\text{C}$) - Hiện thị cảnh báo HOT trên LED khi nhiệt độ $>50^{\circ}\text{C}$ - Môi trường : 5 - 40°C , 80% RH - Kích thước (W x D x H) : 150 x 260 x 80 mm - Trọng lượng : 1.8 kg - Nguồn điện : 220V, 50/60Hz, 515W				

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
337	Bể siêu âm	CR-031S			Việt Nam	2T-Sonic	Dung tích: 6.5 L; Công suất siêu âm: 180 W Công suất điện trở: 200 W Tần số: 40 kHz Kích cỡ: L300*W150*H150	cái	1		25
338	TLC Silica gel 60 F ₂₅₄ (Bản mỏng sắc ký)	1.05554.0001			Đức	Merck		Hộp	1		27
339	Silica gel 60	GE0049			TBN	Scharlau	0,04 - 0,06 mm	Chai	1		27
340	Bình cầu 1 cổ nhám đáy tròn 25ml	BLS.1209.02			Đức	Biohall	25ml-14/23 Biohall	Cái	5		27
341	Cá từ				Đức	Isolab	10 mm x 6 mm	Cái	5		27
342	Bể rửa siêu âm				Trung Quốc	Total Meter	Dung tích 2 L, tần số siêu âm 40 kHz.	Cái	1		27
343	Ống nghiệm COD	C0002064			Trung Quốc	ALWSCI	10 mL, 16 x 100mm	Hộp	1		27
344	Hexane	110-54-3					C ₆ H ₁₄	Phuy (138 kg)	1		27
345	Acetone	67-64-1					C ₃ H ₆ O 99%	Phuy (160 kg)	1		27
346	Máy khuấy từ gia nhiệt	HS-17			Trung Quốc		3 l, Speed: 0-1600 rpm, Temp.: RT-380 oC, 17 cm x 17 cm	Bếp	1		27
347	Card kết nối RS232							Cái	1	Báo giá đính kèm	27
348	Đầu đo PT-100							Cái	2	Báo giá đính kèm	27
349	Cáp nối 2m cho pame							Cái	5	Báo giá đính kèm	27
350	Chloroform		Chemsol		VN	Chemsol		chai 500 mL	1		28

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
351	Bản mỏng pha thường 60 F254		Merck		Đức	Merck		hộp 25 tờ	1		28
352	Máy khuấy từ gia nhiệt IKA C-MAG HS 7		IKA		Đức	IKA	Máy Khuấy Từ Có Gia Nhiệt Digital, 550 oC-LCD	cái	1		28
353	Máy khuấy từ gia nhiệt RSM 10 HS		Phoenix Instrument		Đức	Phoenix Instrument		cái	2		28
354	Micropipet 100-1000 uL		Phoenix Instrument		Đức	Phoenix Instrument		cái	1		28
355	Micropipet 10-100 uL		Phoenix Instrument		Đức	Phoenix Instrument		cái	1		28
356	Găng tay không bột size L		PA glove		Malaysia			Hộp/100 cái	1		29
357	Găng tay không bột size M		PA glove		Malaysia			Hộp/100 cái	1		29
358	Bình tia 500 ml		ONELAB					Cái	2		29
359	Chloroform (CHCl ₃)		Chemsol					Chai/500 ml	6		29
360	Acetonitrile (MeCN) cho HPLC		Fisher					Chai/4 lít	2		29
361	N,N'-Dimethylformamide (DMF)		Fisher					Chai/2.5 lít	1		29
362	Dichloromethane (CH ₂ Cl ₂)		Fisher					Chai/2.5 lít	1		29
363	Acetic anhydride		Kanto		Nhật			Chai/500 ml	1		29

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
364	Bộ lọc hút Buchner 500mL Cung cấp bao gồm: - Tam giác vôi 500ml - Phễu sứ F80mm + nút cao su				Trung Quốc	Trung Quốc		Bộ	1		30
365	Eppendorf 2.0 ml				Trung Quốc	Trung Quốc		Túi/500c	2		30
366	Máy lắc sần rây bột mịn				Trung Quốc	Trung Quốc		Bộ	1		30

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
367	Máy khuấy từ gia nhiệt	RSM-10HP	Phoenix Instrument - Germany			Đức	Cung cấp bao gồm + Máy chính+ dây nguồn + Cá từ 50x8mm + Giá đỡ sensor nhiệt độ + Sensor nhiệt độ PT1000-A + Hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh/Việt Hãng: Phoenix Instrument Germany Xuất xứ: Trung Quốc Bảo hành: 12 tháng Mô tả thiết bị : - Đĩa đặt mẫu : bằng thép không rỉ với lớp phủ bằng gốm có tính kháng hóa chất tốt - Kích thước đĩa : Ø 135 - Động cơ : DC - Công suất gia nhiệt : 500 W - Vị trí khuấy : 1 - Thể tích khuấy : 3 lít (H2O) - Kích cỡ cá từ (max) : 50 mm - Tốc độ khuấy : 100 - 1500 rpm, độ	cái	1		30

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
							phân giải ± 1 rpm - Màn hình hiển thị tốc độ khuấy / nhiệt độ : LED - Điều khiển tốc độ khuấy và nhiệt độ : núm vặn chia vạch - Phạm vi nhiệt độ môi trường xung quanh lên đến 280 °C, bước tăng 1 ° C - Nhiệt độ an toàn cố định là 320°C - Hiển thị nhiệt độ chính xác : ± 1 ° C - Bộ điều khiển nhiệt độ với can nhiệt PT1000 (độ chính xác ± 0.5 ° C) - Hiển thị cảnh báo HOT trên LED khi nhiệt độ >50°C - Môi trường : 5 - 40°C , 80% RH - Kích thước (W x D x H) : 150 x 260 x 80 mm - Trọng lượng : 1.8 kg - Nguồn điện : 220V, 50/60Hz, 515W				
368	Cyclopentane					Ấn độ		Chai/500 mL	2		30

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
371	9, 10-dihydro-9-oxa- 10-phosphaphenanthren- 10-oxit (Dopo chống cháy)							kg	1		31
373	2,2-Bis[4-(3,4-dicarboxyphenoxy)phenyl]propanedianhydride							lọ 100g	1		31
374	Phenylenediamine							lọ 250g	1		31
375	N-Methyl-2-pyrrolidone							Chai 500ml	1		31
376	CTAC				Trung Quốc		Chai/ 100g	chai	2		32
377	H2SO4				Trung Quốc		Chai/ 500ml	chai	10		32
378	HCl				Trung Quốc		Chai/ 500ml	chai	10		32
379	H2O2				Trung Quốc		Chai/ 500ml	chai	11		32
380	Chai trung tính trắng có nắp vận 100ML-GL45,hiệu Biohall Germany_Ấn				Biohall Germany			cái	10		32
381	Cốc thủy tinh 25ml/ ONELAB				Trung Quốc			cái	30		32
382	Cốc thủy tinh 50ml/ ONELAB				Trung Quốc			cái	30		32
383	Cốc thủy tinh 100ml/ ONELAB				Trung Quốc			cái	30		32
384	Dụng cụ phân phối chất lỏng micropipet (Bơm định lượng có gắn thiết bị đo lường)1 kênh 100-1000ul				Trung Quốc	PHOENIX INSTRUMENT		cái	1		32

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
385	Dụng cụ phân phối chất lỏng micropipet (Bơm định lượng có gắn thiết bị đo lường)1 kênh 10-100ul				Trung Quốc	PHOENIX INSTRUMENT		cái	1		32
386	MDI lỏng							1Kg	2		33
387	Xúc tác DBTDL (Dibutyltin dilaurate) CAS 77-58-7							200 gr	1		33
388	Máy xay hạt							Cái	1		33
389	Cerium(III) nitrate hexahydrate	Ce(NO ₃) ₃ · 6 H ₂ O	10294-41-4		Đức	Merck	muối bột	100 gam	1		38
390	Silver nitrate	AgNO ₃	7761-88-8.100		Trung quốc	Xilong	Muối bột	100 gam	1		38
391	Neodymium(III) nitrate hexahydrate	Nd(NO ₃) ₃ .6 H ₂ O	289175		Mỹ	Sigma aldrich	Muối bột	100 gam	1		38
392	Khí Acetylene					Vạn Tấn Phát		binh		Khí	BM HÓA PHÂN TÍCH - CQ
393	Khí Ar					Vạn Tấn Phát		binh		Khí	BM HÓA PHÂN TÍCH - CQ
394	Khí Oxy					Vạn Tấn Phát		binh		Khí	BM HÓA PHÂN TÍCH - CQ
395	HNO ₃		Merck			Merck	chai 1L	chai	1		BM HÓA PHÂN TÍCH - CQ
396	HCl		Merck			Merck	chai 1L	chai	1		BM HÓA PHÂN TÍCH - CQ
397	H ₂ SO ₄		Merck			Merck	chai 1L	chai	1		BM HÓA PHÂN TÍCH - CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
398	Ethanol		Xiloong, Trung Quốc				chai 500 mL	chai	1		BM HÓA PHÂN TÍCH - CQ
399	Acetone		Xiloong, Trung Quốc				Chai 500 mL	chai	1		BM HÓA PHÂN TÍCH - CQ
400	Khí Nitor					Vạn Tấn Phát		bình		Khí	BM HÓA PHÂN TÍCH - CQ
401	HgSO ₄		Merck			Merck		chai	1		BM HÓA PHÂN TÍCH - CQ
402	AgNO ₃		Xiloong, Trung Quốc					chai	1		BM HÓA PHÂN TÍCH - CQ
403	sulfamethoxazol						-	chai	1		BM HÓA PHÂN TÍCH - CQ
404	Zn(NO ₃) ₂				Trung Quốc			chai	1		BM HÓA VC&UD - CQ
405	Cu(NO ₃) ₂				Trung Quốc			chai	1		BM HÓA VC&UD - CQ
406	Hũ bi có nắp vặn 10 mL							cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
407	Cá từ 1.5 cm							cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
408	Micropipette 1000ul							cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
409	Micropipette 100ul							cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
410	Ethanol				Trung Quốc			lít	1		BM HÓA VC&UD - CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
411	Co(NO ₃) ₂ .6H ₂ O				Trung Quốc			chai	1		BM HÓA VC&UD - CQ
412	Fe(NO ₃) ₃ .9H ₂ O							chai	1		BM HÓA VC&UD - CQ
413	chén sậy parabol 250 mL							cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
414	Chén nung 100mL + nắp							cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
415	Bộ cối + Chày bằng sứ (f 10 cm)							bộ	1		BM HÓA VC&UD - CQ
416	Cá từ 5*10mm							cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
417	Kháng sinh ciprofloxacin					Tất cả hãng đang có		hộp	1		BM HÓA VC&UD - CQ
418	Becher 100mL					Tất cả hãng đang có		cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
419	Becher 250mL					Tất cả hãng đang có		cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
420	Becher 500mL					Tất cả hãng đang có		cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
421	Becher 1000mL					Tất cả hãng đang có		cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
422	Fiol 50mL					Tất cả hãng đang có		cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
423	Fiol 100mL					Tất cả hãng đang có		cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
424	Fiol 250mL					Tất cả hãng đang có		cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
425	Ổ cắm điện					Tất cả hãng đang có		cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
426	Dopamine					Tất cả hãng đang có		hộp	1		BM HÓA VC&UD - CQ
427	Acetone					Tất cả hãng đang có		chai	1		BM HÓA VC&UD - CQ
428	Acetonitrile					Tất cả hãng đang có		chai	1		BM HÓA VC&UD - CQ
429	Ống nhỏ giọt nhựa							cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
430	Khăn giấy dai							cuộn	1		BM HÓA VC&UD - CQ
431	Kẹp nhựa gấp mẫu							cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
432	Muỗng inox lấy mẫu (Hình ghi chú)							cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
433	Bình tia							cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
434	Pipet vạch 10 mL							cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
435	Pipet vạch 5 mL							cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
436	Khăn lụa không bột							cuộn	1		BM HÓA VC&UD - CQ
437	Bộ đĩa petri có nắp thủy tinh Borosilicate 3.3 d=100 mm							cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
438	Bộ đĩa petri có nắp thủy tinh Borosilicate 3.3 d=90 mm							cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
439	Bộ đĩa petri có nắp thủy tinh Borosilicate 3.3 d=120 mm							cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
440	Đầu típ micropipet 200ul							cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ
441	Đầu típ micropipet 1000ul							cái	1		BM HÓA VC&UD - CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
442	Ca(NO ₃) ₂							chai	1		BM HÓA VC&UD - CQ
443	Cu(NO ₃) ₂							chai	1		BM HÓA VC&UD - CQ
444	Fe(NO ₃) ₂							chai	1		BM HÓA VC&UD - CQ
445	Zn(NO ₃) ₂							chai	1		BM HÓA VC&UD - CQ
446	Bản mỏng Silica gel TLC				Đức	Merck		Hộp	2		BM HÓA HC - CQ
447	Ethanol				VN	Chemsol		Chai 1L	10		BM HÓA HC - CQ
448	Giá nâng thí nghiệm (bàn nâng) 20cmx20cm				TQ	Onelab		Cái	1		BM HÓA HC - CQ
449	Pipet pasteur thủy tinh kích thước 150mm				Đức	Hirschman n		Hộp 250 cái	2		BM HÓA HC - CQ
450	4-Methoxyacetophenone				TQ	Macklin		Chai 100 g	1		BM HÓA HC - CQ
451	3,4-Dimethoxyacetophenone				TQ	Macklin		Chai 25 g	1		BM HÓA HC - CQ
452	Methanol				TQ	Xilong		Chai 500 mL	5		BM HÓA HC - CQ
453	1,4-Dioxane				TQ	Xilong		Chai 500 mL	2		BM HÓA HC - CQ
454	2-Acetylpyrazine				TQ	Macklin		Chai 5 g	1		BM HÓA HC - CQ
455	N-bromosuccinimide				TQ	Macklin		Chai 500 g	1		BM HÓA HC - CQ
456	Diethyl ether				VN	Chemsol		Chai 500 mL	10		BM HÓA HC - CQ
457	Chloroform				VN	Chemsol		Chai 500 mL	2		BM HÓA HC - CQ
458	Silica gel Silica gel 230-400 mesh (37-63µm)				Ấn độ	Himeda		Chai 500 g	2		BM HÓA HC - CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
459	Dichloromethane				VN	Chemsol		Chai 500 mL	1		BM HÓA HC - CQ
460	Bộ chưng cất tinh dầu Clevenger (bình cầu 2L, ống gạn, ống hoàn lưu)				VN	VN		Bộ	1		BM HÓA HC - CQ
461	Pipette pasteur thủy tinh 145 mm				TQ	TQ		hộp/250c	1		BM HÓA HC - CQ
462	Pipet nhựa hộp 500 c				TQ	TQ		hộp/500c	1		BM HÓA HC - CQ
463	Vòng phễu oneLab ring 60 mm, insize 45 mm				TQ	TQ		cái	2		BM HÓA HC - CQ
464	Ống đong 250 ml				TQ	TQ		cái	2		BM HÓA HC - CQ
465	Ống đong 100 ml				TQ	TQ		cái	2		BM HÓA HC - CQ
466	Ống đong 50 ml				TQ	TQ		cái	2		BM HÓA HC - CQ
467	Ống đong 25 ml				TQ	TQ		cái			BM HÓA HC - CQ
468	Becher 1 lít chịu nhiệt				TQ	TQ		cái	1		BM HÓA HC - CQ
469	Becher 500 ml chịu nhiệt				TQ	TQ		cái	2		BM HÓA HC - CQ
470	Becher 100 ml chịu nhiệt				TQ	TQ		cái	4		BM HÓA HC - CQ
471	Erlen thủy tinh 250 ml cổ tron				TQ	TQ		cái	10		BM HÓA HC - CQ
472	Phễu thủy tinh 90 mm				TQ	TQ		cái	1		BM HÓA HC - CQ
473	Phễu thủy tinh 75 mm				TQ	TQ		cái	1		BM HÓA HC - CQ
474	kẹp 3 càng dài 25cm				TQ	TQ		cái	3		BM HÓA HC - CQ
475	Noa				TQ	TQ		cái	5		BM HÓA HC - CQ
476	MeOH dành cho HPLC				US	J.T Baker		Chai 4L	2		BM HÓA HC - CQ
477	Giấy bạc (màng nhôm)				Việt Nam		30cmx5m	Cuộn	6		BM HÓA LÝ - CQ
478	Ống nhỏ giọt nhựa Pasteur 3ml /H=500c/ ONELAB		ONELA B		Trung Quốc		H=500c	hộp/500	2		BM HÓA LÝ - CQ
479	Cối chảy mã não F80mm / ONELAB		ONELA B		Trung Quốc		Chai/500 mL	cái	1		BM HÓA LÝ - CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
480	Acid Sunfuric-H ₂ SO ₄				Trung Quốc			chai/500ml	10		BM HÓA LÝ - CQ
481	Nước rửa tay		Lifebouy		Việt Nam			Chai/450g	4		BM HÓA LÝ - CQ
482	Sodium hydroxid, NaOH				Trung Quốc			500g/chai	10		BM HÓA LÝ - CQ
483	Giấy cuộn vệ sinh				Việt Nam		Dạng cuộn, giấy vệ sinh 2 lớp	cuộn	6		BM HÓA LÝ - CQ
484	Chai vial 20 ml và nắp trắng		ALWSC I		Trung Quốc			Cái	30		BM HÓA LÝ - CQ
485	Hydrochloric acid HCl 38%				Trung Quốc			chai/500ml	2		BM HÓA LÝ - CQ
486	Ống nhỏ giọt nhựa Pasteur 3ml /H=500c/ ONELAB		Onelab		Trung Quốc		H=500c	hộp/500	1		BM HÓA LÝ - CQ
487	Cồn tuyệt đối chemsol		Chemsol		Việt Nam		Chai/ 1L	chai	20		BM HÓA LÝ - CQ
488	Đũa Thủy tinh F6*300mm / ONELAB		ONELAB		Trung Quốc			cái	5		BM HÓA LÝ - CQ
489	Bình định mức trắng 50ml- Isolab		Isolab				50 ml	cái	2		BM HÓA LÝ - CQ
490	Chai thủy tinh Vial trắng 20ml+ Nắp vận kín		ALWSC I		Trung Quốc		20 ml	cái	100		BM HÓA LÝ - CQ
491	Diammonium Hydrogen Phosphate, (NH ₄) ₂ HPO ₄		Xilong (AR)		Trung Quốc		Chai/500 g	Chai 500 g	1		BM HÓA LÝ - CQ
492	Ethylene glycol, C ₂ H ₆ O ₂		Xilong (AR)		Trung Quốc		Chai/500 mL	Chai 500 mL	1		BM HÓA LÝ - CQ
493	Disodium Hydrogen Phosphate Dodecahydrate, Na ₂ HPO ₄ .12H ₂ O		Xilong (AR)		Trung Quốc		Chai/500 g	Chai 500 g	3		BM HÓA LÝ - CQ
494	Cồn Công Nghiệp 99.9%		QTC chemical		Việt Nam		Can/20L	Can 20 L	1		BM HÓA LÝ - CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
495	Calcium Chloride Dihydrate, CaCl ₂ .2H ₂ O		Xilong (AR)		Trung Quốc		Chai/500 g	Chai 500 g	1		BM HÓA LÝ - CQ
496	Ammonium persulfate ((NH ₄) ₂ S ₂ O ₈)		Xilong (AR)		Trung Quốc			Chai 500 g	1		BM HÓA LÝ - CQ
497	Giấy đo pH 1-14 (Newstar)		Newstar		Trung Quốc		Hộp/20 tệp	Hộp	1		BM HÓA LÝ - CQ
498	Ống đong 10 mL-Onelab		Onelab		Mỹ			Cái	1		BM HÓA LÝ - CQ
499	Ống đong 50 mL - Onelab		Onelab		Mỹ			Cái	1		BM HÓA LÝ - CQ
500	Cá từ thẳng có vòng 3 cm - Loại B							Cái	2		BM HÓA LÝ - CQ
501	Cá từ thẳng có vòng 4 cm - Loại B							Cái	2		BM HÓA LÝ - CQ
502	Sodium phosphate monobasic dihydrate, NaH ₂ PO ₄ .2H ₂ O		Xilong (AR)		Trung Quốc		Chai 500 g	Chai 500 g	1		BM HÓA LÝ - CQ
503	Sodium sulfate anhydrous, Na ₂ SO ₄		Xilong (AR)		Trung Quốc		Chai 500 g	Chai 500g	1		BM HÓA LÝ - CQ
504	Becher 1 L		Onelab		Mỹ			Cái	2		BM HÓA LÝ - CQ
505	Chai trung tính 1 L - Schott duran		Schott duran		Đức			Cái	2		BM HÓA LÝ - CQ
506	DMF		Chemsol		Việt Nam			Chai/500 mL	5		BM HÓA LÝ - CQ
507	USB 256GB SanDisk Ultra Curve Gen 1 Flash Drive, USB3.2		Sandisk		Mỹ/TQ			cái	1		BM HÓA LÝ - CQ
508	Găng tay cao su	Không bột	Top Glove		Malaysia			Hộp/ 100c	1		BM Hóa Polyme - CQ
509	khẩu trang y tế không bột		PA		Việt Nam			Hộp/ 50c	1		BM Hóa Polyme - CQ
510	ethanol CN		Việt					Lít	1		BM Hóa Polyme -

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
			Nam								CQ
511	H2O2		Trung Quốc		Trung Quốc			Chai/ 500ml	1		BM Hóa Polyme - CQ
512	acid acetic		Trung Quốc		Trung Quốc			Chai/ 500ml	1		BM Hóa Polyme - CQ
513	bình cầu đáy bằng 250 ml cổ nhám 19/26 24/29 29/32		Việt Nam GC		Việt Nam			Cái	1		BM Hóa Polyme - CQ
514	toluene CN		Chemsol		Việt Nam			Chai/ 500ml	1		BM Hóa Polyme - CQ
515	ống ly tâm nhựa 50 ml (XEM HÌNH)	21401	Flmedical		Ý			Gói/ 100c	1		BM Hóa Polyme - CQ
516	Cây băng keo giấy bản 1.2 cm							cuộn	1		BM Hóa Polyme - CQ
517	ethanol absolute							lit	1		BM Hóa Polyme - CQ
518	khăn giấy không lõi							cuộn	1		BM Hóa Polyme - CQ
519	chitosan, DD>85%							chai	1		BM Hóa Polyme - CQ
520	chitosan oligosaccharide							chai	1		BM Hóa Polyme - CQ
521	Epoxy Novolac							chai	1	chỉ báo giá Novolac, không báo giá epoxy DGEBA	BM Hóa Polyme - CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
522	H3PO3							chai	1		BM Hóa Polyme - CQ
523	maleic acid							chai	1		BM Hóa Polyme - CQ
524	diethyl phosphite							chai	1		BM Hóa Polyme - CQ
525	Triethylenetetramine (TETA)							chai	1		BM Hóa Polyme - CQ
526	melamine							chai	1		BM Hóa Polyme - CQ
527	acetone CN							chai	1		BM Hóa Polyme - CQ
528	bông gòn y tế		Bảo Thạch		Việt Nam			kg	1		BM Hóa Polyme - CQ
529	giấy nhôm cuộn 3kg	cuộn 3kg	Việt Nam		Việt Nam			cuộn	1	có thể báo giá các size khác	BM Hóa Polyme - CQ
530	Ống ly tâm (xem hình)		ONELA B		Trung Quốc			Cái	1		BM Hóa Polyme - CQ
531	Bàn inox 201 gấp gọn felix 160x80x75cm							cái	1		BM Hóa Polyme - CQ
532	Fiol 10mL				Đức	Isolab		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
533	Fiol 25mL				Đức	Isolab		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
534	Fiol 50mL				Đức	Isolab		Cái	1		BM Hóa dược - CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
535	Fiol 100mL				Đức	Isolab		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
536	Fiol 250mL				Đức	Isolab		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
537	Fiol 500mL				Đức	Isolab		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
538	Fiol 1000mL				Đức	Isolab		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
539	Ống đong thủy tinh 10mL				Đức	Isolab		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
540	Ống đong thủy tinh 25mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
541	Ống đong thủy tinh 50mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
542	Ống đong thủy tinh 100mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
543	Ống đong thủy tinh 250mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
544	Ống đong thủy tinh 500mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
545	Erlen 50mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
546	Erlen 100mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
547	Erlen 250mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
548	Erlen 500mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
549	Erlen 1000mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
550	Erlen cổ nhám 100mL				Đức	Duran		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
551	Erlen cổ nhám 250mL				Đức	Duran		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
552	Erlen cổ nhám 500mL				Đức	Duran		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
553	Erlen cổ nhám 1000mL				Đức	Duran		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
554	Beaker 50mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
555	Beaker 100mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
556	Beaker 250mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
557	Beaker 500mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
558	Beaker 1000mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
559	Beaker 2000mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
560	Phễu thủy tinh Φ 75mm				Trung Quốc	Genlab		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
561	Phễu thủy tinh Φ 120mm				Trung Quốc	Genlab		Cái	1		BM Hóa dược - CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
562	Bình cô quay 100mL nhám 29/32				Đức	Duran		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
563	Bình cô quay 250mL nhám 29/32				Đức	Duran		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
564	Bình cô quay 500mL nhám 29/32				Đức	Duran		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
565	Bình cô quay 1000mL nhám 29/32				Đức	Duran		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
566	Vòng bản nhỏ (đường kính 80mm)				Đức	Asisstant		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
567	Vòng bản vừa (đường kính 110mm)				Đức	Asisstant		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
568	Vòng bản lớn (đường kính 140mm)				Đức	Asisstant		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
569	Ống nghiệm 10mL (16x100mm) có nắp				Đức	Isolab		Hộp 100c	1		BM Hóa dược - CQ
570	Ống nghiệm 10mL (16x100mm) không nắp				Đức	Isolab		Hộp 100c	1		BM Hóa dược - CQ
571	Bản mỏng silica gel 60 F254	1.05554.0001			Đức	Merck	Tấm nhôm 20x20cm	Hộp 25c	1		BM Hóa dược - CQ
572	Bảng mỏng silica gel pha đảo 60 RP-18 F ₂₅₄ S	1.05559.0001			Đức	Merck	Tấm nhôm 20x20cm	Hộp 20c	1		BM Hóa dược - CQ
573	Silicagel pha thườngng 60, 0,04-0,06mm	GE0048005P			Tây Ban Nha	Scharlau	Kích thước hạt 0.04-0.06mm	Thùng x 5kg	1		BM Hóa dược - CQ
574	Silicagel pha thườngng 60, 0,04-0,06mm				Tây Ban Nha	Scharlau	Kích thước hạt 0.04-0.06mm	Thùng x 10kg	1		BM Hóa dược - CQ
575	Silicagel pha thườngng 60, 0,04-0,06mm	GE0048025P			Tây Ban Nha	Scharlau	Kích thước hạt 0.04-0.06mm	Thùng x 25kg	1		BM Hóa dược - CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
576	Folin-Ciocalteu phenol reagent	RE00180250			Tây Ban Nha	Scharlau		Chai 250mL	1		BM Hóa dược - CQ
577	Folin-Ciocalteu phenol reagent	1.09001.0100			Đức	Merck		Chai 100mL	1		BM Hóa dược - CQ
578	H2SO4	7664-93-9			Trung Quốc	Xiong		Chai 500mL	1		BM Hóa dược - CQ
579	H3PO4	7664-38-2			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		BM Hóa dược - CQ
580	Isopropyl alcohol	67-63-0			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		BM Hóa dược - CQ
581	Dichloromethane	75-09-2			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		BM Hóa dược - CQ
582	Hexane	110-54-3			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		BM Hóa dược - CQ
583	Chloroform	67-66-3			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		BM Hóa dược - CQ
584	Acetone	66-64-1			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		BM Hóa dược - CQ
585	Ethyl acetate	141-78-6			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		BM Hóa dược - CQ
586	Methanol	67-56-1			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		BM Hóa dược - CQ
587	Ethanol	64-17-5			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		BM Hóa dược - CQ
588	FeCl3	10025-77-1			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		BM Hóa dược - CQ
589	AlCl3.6H2O	7784-13-6			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		BM Hóa dược - CQ
590	NaCl	7647-14-5			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		BM Hóa dược - CQ
591	NaH2PO4.2H2O	13472-35-0			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		BM Hóa dược - CQ
592	Na2HPO4.12H2O	13472-35-0			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		BM Hóa dược - CQ
593	KBr	03/02/7758			Đức	Merck		Chai 100g	1		BM Hóa dược - CQ
594	Na2SO4	497-19-8			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		BM Hóa dược - CQ
595	Na2CO3	497-18-8			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		BM Hóa dược - CQ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
596	Cồn 96				Việt Nam	Công nghiệp		Lít	1		BM Hóa dược - CQ
597	Giấy lọc 60x60	103-600			Đức	Newstar		Tờ	1		BM Hóa dược - CQ
598	Eppendorf 2mL	60-0082			Mỹ	Biologix		Hộp 500 cái	1		BM Hóa dược - CQ
599	Đầu bóp pasterpipet silicon	D00018			Trung Quốc	Onelab		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
600	Chổi rửa dụng cụ mềm, lớn				Việt Nam			Cái	1		BM Hóa dược - CQ
601	Chổi rửa dụng cụ mềm, nhỏ				Việt Nam			Cái	1		BM Hóa dược - CQ
602	Ống mao quản	2900000			Đức	Marienfeld		Hộp	1		BM Hóa dược - CQ
603	Ca nhựa 500 mL				Đức	Isolab		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
604	Ca nhựa 2L				Đức	Isolab		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
605	Giấy nhôm				Việt Nam			Hộp	1		BM Hóa dược - CQ
606	Màng bọc thực phẩm				Việt Nam			Hộp	1		BM Hóa dược - CQ
607	Pasterpipet thủy tinh loại ngắn				Đức	Hirschmann		Hộp 250c	1		BM Hóa dược - CQ
608	Pasterpipet thủy tinh loại dài				Đức	Hirschmann		Hộp 250c	1		BM Hóa dược - CQ
609	Bắc đèn cồn	DC002/001			Trung Quốc	Onelab		Cái	1		BM Hóa dược - CQ
610	Găng tay y tế				Việt Nam			Hộp	1		BM Hóa dược - CQ
611	Khẩu trang 4U				Việt Nam			Hộp	1		BM Hóa dược - CQ
612	Nước rửa chén				Việt Nam			Chai	1		BM Hóa dược - CQ
613	Nước lau sàn				Việt Nam			Chai	1		BM Hóa dược - CQ
614	Nước rửa tay				Việt Nam			Chai	1		BM Hóa dược - CQ
615	Túi rác lớn				Việt Nam			Chai	1		BM Hóa dược - CQ
616	Cây lau nhà				Việt Nam			Cây	1		BM Hóa dược - CQ
617	Chổi				Việt Nam			Cây	1		BM Hóa dược - CQ
618	Giấy cân (100x100 mm)							Hộp	5		Thầy S.Hải_CNTN
619	H3PO4				Trung Quốc	Trung		Chai/	5		Thầy S.Hải_CNTN

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
						Quốc		500ml			
620	Acid acetric băng				Trung Quốc	Trung Quốc		Chai/ 500ml	10		Thầy S.Hải_CNTN
621	Nút bắc silicon phi 28 (đường kính mặt cắt ngang 28mm)						vật liệu: silicon đường kính: 28 mm	cái	10		Thầy THoang_CNTN
622	Nickel(II) acetate tetrahydrate	CAS 6018-89-9	Zhanyun		Trung Quốc	shanghai zhanyun chemical co ltd		chai	1		Thầy THoang_CNTN
623	Ethyl acetate	141-78-6	Xi Long	2024	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng độ 99.5% . Hàm lượng Độ ẩm H ₂ O ≤ 0,1 %	Chai 500mL	2		Cô YNhi_CNTN
624	Acetone		Xi Long	2024	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng độ 99.5% . Hàm lượng Độ ẩm H ₂ O ≤ 0,1 %	Chai 500mL	6		Cô YNhi_CNTN
625	Găng tay y tế màu trắng không bột				Malaysia	PA Gloves	găng tay Latex không bột , Không tiết trùng	Hộp/ 100c	5		Thầy TVMan_CNTN
626	Cồn tuyệt đối		Chemsol		Việt Nam			C/500ml	20		Thầy TVMan_CNTN
627	Bình cầu đáy tròn 100 mL nhám 29/32							cái	1		Thầy Vinh_CNTN
628	Bình cầu đáy tròn 25 mL nhám 14/23							cái	1		Thầy Vinh_CNTN
629	vòng kim loại kẹp cổ (xem hình) các kích thước 15mm/19mm				TQ			cái	1		Thầy Vinh_CNTN

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
630	vòng kim loại kẹp cổ (xem hình) các kích thước 28mm/34mm				TQ			cái	1		Thầy Vinh_CNTN
631	Máy khô nhiệt 2000 W	TB20078	Total			Total	2000 W, thổi khí nóng có nhiệt độ từ 350-550 oC	cái	1		Thầy Vinh_CNTN
632	Bình cầu 1 cổ nhám đáy tròn 25ml, nhám 14	BLS.1209.02			Đức	Biohall	25ml-14/23 Biohall	Cái	5		Cô Mai_Thầy THai_CNTN
633	N,N-dimethylformamide $\geq 99.5\%$ (DMF)	CAS: 68-12-2	AR, Xilong,		Trung Quốc			chai/500ml	3		Cô KPhuong_CNTN
634	Ethanol 99.7%	CAS: 64-17-5	AR, Xilong,		Trung Quốc			chai/500ml	1		Cô KPhuong_CNTN
635	Ống nghiệm COD có nắp 10mL 16x100mm.Nắp vận kín	C0002064	Alwsci		Trung Quốc		Ống nghiệm COD 10ML 16x100mm nắp vận kín 15-415 PP trắng ALWSCI C0002064 septa 1.5mm PTFE / silicon	Hộp/ 25c	1		Cô TDuong_CNTN
636	Hóa chất Acetic Acid (AR, Xilong, Cas 64-19-7)		Xilong		Trung Quốc		Độ tinh khiết 99%	Chai 500 mL	1		Cô TDuong_CNTN
637	Bình cầu đáy tròn cổ nhám 19/26 100 mL		Biohall Germany		Đức			Cái	4		Cô TDuong_CNTN
638	Cá từ 10x5 mm	DCTH2704	Isolab					Con	4		Cô TDuong_CNTN
639	Bản mỏng Silicagel 60 F254	1055540001	Merck					Hộp	1		Cô TDuong_CNTN
640	Ống đong 500 mL		ONELAB		Việt Nam			Cái	1		Cô TDuong_CNTN

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
641	Xylose		Merck		Mỹ	Merck		Chai 100 g	1		Thầy HPuong_CNTN
642	Glucose		Xilong		TQ	Xilong		Chai 500 g	1		Thầy HPuong_CNTN
643	Fructose		Merck		Mỹ	Merck		Chai 1 g	1		Thầy HPuong_CNTN
644	Sucrose		Merck		Mỹ	Merck		Chai 1 kg	1		Thầy HPuong_CNTN
645	Isopropyl Alcohol		Xilong		TQ	Xilong		Chai 500 mL	1		Thầy HPuong_CNTN
646	Ethyl Acetate		Fisher		Mỹ	Fisher		Chai 2.5 L	1		Thầy HPuong_CNTN
647	Glycerol		Xilong		TQ	Xilong		Chai 500 mL	1		Thầy HPuong_CNTN
648	Hydrochloric acid		Xilong		TQ	Xilong		Chai 500 mL	1		Thầy HPuong_CNTN
649	5-Hydroxymethylfurfural		Macklin		TQ	Macklin		Chai 5 g	1		Thầy HPuong_CNTN
650	p-Toluenesulfonic acid monohydrate		HIMEDIA		Ấn Độ	HIMEDIA		Chai 100 g	1		Thầy HPuong_CNTN
651	Bi(NO ₃) ₃ .5H ₂ O				Trung quốc	Xilong		Chai 500g	1		Thầy Khoa_CNTN
652	Graphite foil 0.1 mm x 100 mm x 100 mm				Trung quốc			Tấm	1		Thầy Khoa_CNTN
653	Zn(NO ₃) ₂				Trung Quốc			chai	1		CÔ TPhuong_CNTN
654	Cu(NO ₃) ₂				Trung Quốc			chai	1		CÔ TPhuong_CNTN
655	Hũ bi có nắp vặn 10 mL							cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
656	Cá từ 1.5 cm							cái	1		CÔ

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
											TPhuong_CNTN
657	Micropipette 1000ul							cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
658	Micropipette 100ul							cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
659	Ethanol				Trung Quốc			lít	1		CÔ TPhuong_CNTN
660	Co(NO ₃) ₂ .6H ₂ O				Trung Quốc			chai	1		CÔ TPhuong_CNTN
661	Fe(NO ₃) ₃ .9H ₂ O							chai	1		CÔ TPhuong_CNTN
662	chén sậy parabol 250 mL							cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
663	Chén nung 100mL + nắp							cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
664	Bộ cối + Chày bằng sứ (f 10 cm)							bộ	1		CÔ TPhuong_CNTN
665	Cá từ 5*10mm							cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
666	Kháng sinh ciprofloxacin					Tất cả hãng đang có		hộp	1		CÔ TPhuong_CNTN
667	Becher 100mL					Tất cả hãng đang có		cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
668	Becher 250mL					Tất cả hãng đang có		cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
669	Becher 500mL					Tất cả hãng đang có		cái	1		CÔ TPhuong_CNTN

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
670	Becher 1000mL					Tất cả hãng đang có		cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
671	Fiol 50mL					Tất cả hãng đang có		cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
672	Fiol 100mL					Tất cả hãng đang có		cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
673	Fiol 250mL					Tất cả hãng đang có		cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
674	Ổ cắm điện					Tất cả hãng đang có		cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
675	Dopamine					Tất cả hãng đang có		hộp	1		CÔ TPhuong_CNTN
676	Acetone					Tất cả hãng đang có		chai	1		CÔ TPhuong_CNTN
677	Acetonitrile					Tất cả hãng đang có		chai	1		CÔ TPhuong_CNTN
678	Ống nhỏ giọt nhựa							cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
679	Khăn giấy dai							cuộn	1		CÔ TPhuong_CNTN
680	Kẹp nhựa gấp mẫu							cái	1		CÔ TPhuong_CNTN

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
681	Muỗng inox lấy mẫu (Hình ghi chú)							cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
682	Bình tia							cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
683	Pipet vạch 10 mL							cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
684	Pipet vạch 5 mL							cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
685	Khăn lụa không bột							cuộn	1		CÔ TPhuong_CNTN
686	Bộ đĩa petri có nắp thủy tinh Borosilicate 3.3 d=100 mm							cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
687	Bộ đĩa petri có nắp thủy tinh Borosilicate 3.3 d=90 mm							cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
688	Bộ đĩa petri có nắp thủy tinh Borosilicate 3.3 d=120 mm							cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
689	Đầu típ micropipet 200ul							cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
690	Đầu típ micropipet 1000ul							cái	1		CÔ TPhuong_CNTN
691	Ca(NO ₃) ₂							chai	1		CÔ TPhuong_CNTN
692	Cu(NO ₃) ₂							chai	1		CÔ TPhuong_CNTN
693	Fe(NO ₃) ₂							chai	1		CÔ TPhuong_CNTN
694	Zn(NO ₃) ₂							chai	1		CÔ TPhuong_CNTN
695	Fiol 10mL				Đức	Isolab		Cái	1		Thầy XHại_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
696	Fiol 25mL				Đức	Isolab		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
697	Fiol 50mL				Đức	Isolab		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
698	Fiol 100mL				Đức	Isolab		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
699	Fiol 250mL				Đức	Isolab		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
700	Fiol 500mL				Đức	Isolab		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
701	Fiol 1000mL				Đức	Isolab		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
702	Ống đong thủy tinh 10mL				Đức	Isolab		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
703	Ống đong thủy tinh 25mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
704	Ống đong thủy tinh 50mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
705	Ống đong thủy tinh 100mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
706	Ống đong thủy tinh 250mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
707	Ống đong thủy tinh 500mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
708	Erlen 50mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
709	Erlen 100mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
710	Erlen 250mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
711	Erlen 500mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
712	Erlen 1000mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
713	Erlen cổ nhám 100mL				Đức	Duran		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
714	Erlen cổ nhám 250mL				Đức	Duran		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
715	Erlen cổ nhám 500mL				Đức	Duran		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
716	Erlen cổ nhám 1000mL				Đức	Duran		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
717	Beaker 50mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
718	Beaker 100mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
719	Beaker 250mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
720	Beaker 500mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
721	Beaker 1000mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
722	Beaker 2000mL				Trung Quốc	Bomex		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
723	Phễu thủy tinh Φ 75mm				Trung Quốc	Genlab		Cái	1		Thầy XHAI_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
724	Phễu thủy tinh Φ 120mm				Trung Quốc	Genlab		Cái	1		Thầy XHαι_CLC
725	Bình cô quay 100mL nhám 29/32				Đức	Duran		Cái	1		Thầy XHαι_CLC
726	Bình cô quay 250mL nhám 29/32				Đức	Duran		Cái	1		Thầy XHαι_CLC
727	Bình cô quay 500mL nhám 29/32				Đức	Duran		Cái	1		Thầy XHαι_CLC
728	Bình cô quay 1000mL nhám 29/32				Đức	Duran		Cái	1		Thầy XHαι_CLC
729	Vòng bản nhỏ (đường kính 80mm)				Đức	Asisstant		Cái	1		Thầy XHαι_CLC
730	Vòng bản vừa (đường kính 110mm)				Đức	Asisstant		Cái	1		Thầy XHαι_CLC
731	Vòng bản lớn (đường kính 140mm)				Đức	Asisstant		Cái	1		Thầy XHαι_CLC
732	Ống nghiệm 10mL (16x100mm) có nắp				Đức	Isolab		Hộp 100c	1		Thầy XHαι_CLC
733	Ống nghiệm 10mL (16x100mm) không nắp				Đức	Isolab		Hộp 100c	1		Thầy XHαι_CLC
734	Bản mỏng silica gel 60 F254	1.05554.0001			Đức	Merck	Tấm nhôm 20x20cm	Hộp 25c	1		Thầy XHαι_CLC
735	Bảng mỏng silica gel pha đảo 60 RP-18 F254S	1.05559.0001			Đức	Merck	Tấm nhôm 20x20cm	Hộp 20c	1		Thầy XHαι_CLC
736	Silicagel pha thườngng 60, 0,04-0,06mm	GE0048005P			Tây Ban Nha	Scharlau	Kích thước hạt 0.04-0.06mm	Thùng x 5kg	1		Thầy XHαι_CLC
737	Silicagel pha thườngng 60, 0,04-0,06mm				Tây Ban Nha	Scharlau	Kích thước hạt 0.04-0.06mm	Thùng x 10kg	1		Thầy XHαι_CLC
738	Silicagel pha thườngng 60, 0,04-0,06mm	GE0048025P			Tây Ban Nha	Scharlau	Kích thước hạt 0.04-0.06mm	Thùng x 25kg	1		Thầy XHαι_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
739	Folin-Ciocalteu phenol reagent	RE00180250			Tây Ban Nha	Scharlau		Chai 250mL	1		Thầy XHαι_CLC
740	Folin-Ciocalteu phenol reagent	1.09001.0100			Đức	Merck		Chai 100mL	1		Thầy XHαι_CLC
741	H2SO4	7664-93-9			Trung Quốc	Xiong		Chai 500mL	1		Thầy XHαι_CLC
742	H3PO4	7664-38-2			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		Thầy XHαι_CLC
743	Isopropyl alcohol	67-63-0			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		Thầy XHαι_CLC
744	Dichloromethane	75-09-2			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		Thầy XHαι_CLC
745	Hexane	110-54-3			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		Thầy XHαι_CLC
746	Chloroform	67-66-3			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		Thầy XHαι_CLC
747	Acetone	66-64-1			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		Thầy XHαι_CLC
748	Ethyl acetate	141-78-6			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		Thầy XHαι_CLC
749	Methanol	67-56-1			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		Thầy XHαι_CLC
750	Ethanol	64-17-5			Trung Quốc	Xilong		Chai 500mL	1		Thầy XHαι_CLC
751	FeCl3	10025-77-1			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		Thầy XHαι_CLC
752	AlCl3.6H2O	7784-13-6			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		Thầy XHαι_CLC
753	NaCl	7647-14-5			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		Thầy XHαι_CLC
754	NaH2PO4.2H2O	13472-35-0			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		Thầy XHαι_CLC
755	Na2HPO4.12H2O	13472-35-0			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		Thầy XHαι_CLC
756	KBr	03/02/7758			Đức	Merck		Chai 100g	1		Thầy XHαι_CLC
757	Na2SO4	497-19-8			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		Thầy XHαι_CLC
758	Na2CO3	497-18-8			Trung Quốc	Xilong		Chai 500g	1		Thầy XHαι_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
759	Cồn 96				Việt Nam	Công nghiệp		Lít	1		Thầy XHAI_CLC
760	Giấy lọc 60x60	103-600			Đức	Newstar		Tờ	1		Thầy XHAI_CLC
761	Eppendorf 2mL	60-0082			Mỹ	Biologix		Hộp 500 cái	1		Thầy XHAI_CLC
762	Đầu bóp pasterpipet silicon	D00018			Trung Quốc	Onelab		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
763	Chổi rửa dụng cụ mềm, lớn				Việt Nam			Cái	1		Thầy XHAI_CLC
764	Chổi rửa dụng cụ mềm, nhỏ				Việt Nam			Cái	1		Thầy XHAI_CLC
765	Ống mao quản	2900000			Đức	Marienfeld		Hộp	1		Thầy XHAI_CLC
766	Ca nhựa 500 mL				Đức	Isolab		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
767	Ca nhựa 2L				Đức	Isolab		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
768	Giấy nhôm				Việt Nam			Hộp	1		Thầy XHAI_CLC
769	Màng bọc thực phẩm				Việt Nam			Hộp	1		Thầy XHAI_CLC
770	Pasterpipet thủy tinh loại ngắn				Đức	Hirschmann		Hộp 250c	1		Thầy XHAI_CLC
771	Pasterpipet thủy tinh loại dài				Đức	Hirschmann		Hộp 250c	1		Thầy XHAI_CLC
772	Bắc đèn cồn	DC002/001			Trung Quốc	Onelab		Cái	1		Thầy XHAI_CLC
773	Găng tay y tế				Việt Nam			Hộp	1		Thầy XHAI_CLC
774	Khẩu trang 4U				Việt Nam			Hộp	1		Thầy XHAI_CLC
775	Nước rửa chén				Việt Nam			Chai	1		Thầy XHAI_CLC
776	Nước lau sàn				Việt Nam			Chai	1		Thầy XHAI_CLC
777	Nước rửa tay				Việt Nam			Chai	1		Thầy XHAI_CLC
778	Túi rác lớn				Việt Nam			Chai	1		Thầy XHAI_CLC
779	Cây lau nhà				Việt Nam			Cây	1		Thầy XHAI_CLC
780	Chổi				Việt Nam			Cây	1		Thầy XHAI_CLC
781	Cối chày mã não F120mm / ONELAB		ONELAB					Bộ	1		Thầy CTThien_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
784	Acetone		Chemsol		Việt Nam			Chai/ 500ml	10		Thầy CTThien_CLC
785	NaBH ₄		Acros					Chai/ 100g	2		Thầy CTThien_CLC
786	Khăn giấy Select		Select		Việt Nam			Cuộn/ 900g	5		Thầy CTThien_CLC
787	Máy bơm nước bể cá LifeTech AP3100							Cái	5		Thầy CTThien_CLC
788	Bơm tiêm (xi lanh) nhựa 10ml		Vinahan kook					Hộp/ 100c	2		Thầy CTThien_CLC
789	Cốc thủy tinh 1000ml/ ONELAB		ONELA B					Cái	2		Thầy CTThien_CLC
790	Bình định mức trắng 50ml- Isolab		Isolab					Cái	5		Thầy CTThien_CLC
791	Cốc thủy tinh 500 mL		ONELA B/TQ					Cái	5		Thầy CTThien_CLC
792	Đĩa petri thủy tinh φ15 cm		Dinlab					Cái	5		Thầy CTThien_CLC
793	CoCl ₂ .6H ₂ O				Trung Quốc			Chai/ 100g	1		Thầy CTThien_CLC
794	Ống sinh hàn thẳng 400 mm, 29/32				Trung Quốc			Cái	3		Thầy CTThien_CLC
795	Co(NO ₃) ₂ .6H ₂ O				Trung Quốc			Chai/ 100g	1		Thầy CTThien_CLC
796	Fe ₂ (SO ₄) ₃ .9H ₂ O				Trung Quốc			Chai/ 500g	1		Thầy CTThien_CLC
797	Chloroform		Chemsol		Việt Nam			Chai 500 mL	10		Thầy CTThien_CLC
798	NaCrO ₂				NEI Corporation (Mỹ)			chai/50g m	4	Có thể thay thế bằng Ấn độ, Anh	Thầy Mẫn_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
799	NaFePO4				NEI Corporation (Mỹ)			chai/50gam	4	Có thể thay thế bằng Ấn độ, Anh	Thầy Mẫn_CLC
800	EMC				Sigma			chai/100mL	4		Thầy Mẫn_CLC
801	DEGDME				Sigma			chai/100mL	4		Thầy Mẫn_CLC
802	TEP				Sigma			chai/100mL	4		Thầy Mẫn_CLC
803	TEGDME				Sigma			chai/100mL	4		Thầy Mẫn_CLC
804	Đồng hóa mẫu DaiHan HG-15A-Set-A	HG-15A-Set A	DaiHan		Hàn Quốc	DAIHAN-Sci	* Được thiết kế cho mẫu chất lỏng và mô * Hữu ích cho tất cả các ứng dụng phân tán và đồng nhất * Tốc độ cao / Chất lượng cao / Tiếng ồn thấp: Tối đa 27.000 vòng/phút (không tải) * Kiểm soát tốc độ và công suất được tối ưu hóa cho mẫu * Công cụ phân tán hiệu suất cao làm bằng thép không gỉ và PTFE Tốc độ tối đa: 27.000 rpm Dung tích: 1-2500 ml Công suất đầu vào:	cái	1		Thầy HLTNguyen_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
							300 W Công suất đầu ra: 160 W Bộ điều khiển nút vặn Chế độ an toàn :Bộ bảo vệ quá nhiệt				
805	NH3 solution (35%)					Fisher		chai/1L	1		Thầy HLTNguyen_CLC
806	Giá treo micropipet dạng tròn							cái	2		Thầy HLTNguyen_CLC
807	Giá treo micropipet ngang							cái	2		Thầy HLTNguyen_CLC
808	Giá đỡ pipet tròn 44 vị trí kệ nhựa đựng pipet thẳng, pipet bầu							cái	1		Thầy HLTNguyen_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
809	ZnSO4.7H2O				TQ			chai/500g	5		Thầy HLTNguyen_CLC
810	Ethylene glycol				TQ			chai/500g	10		Thầy HLTNguyen_CLC
811	(NH4)2SO4				TQ			chai/500g	10		Thầy HLTNguyen_CLC
812	Điện cực PH JENWAY 924005 (0 - 14 PH)	924005				Jenway	Điện cực này được cung cấp cùng với Jenway 3510, 3520 và 3540, cũng có thể sử dụng cùng với model 550 và 570 Loại : kết hợp Dung dịch điện cực : 4.0M KCL/AgCL (025 196) Đầu điện cực : dạng tròn Dải đo : 0-14PH Dải nhiệt độ : 0-80°C Vật liệu thân điện cực : Thủy tinh Kích thước (dài x đường kính) : 120mm x 12mm Chiều dài cáp : 1m Đầu kết nối : BNC	cái	1		Thầy HLTNguyen_CLC
813	Điện cực glassy carbon GCEt (đường kính trong: 3 mm)	13714	ALS					cái	1		Thầy HLTNguyen_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
814	Điện cực Platinum PTE (đường kính trong: 3 mm)	002422	ALS					cái	1		Thầy HLT Nguyen_CLC
815	Sample holder đĩa 9.0 mm (22 pcs)	012307	ALS					cái	1		Thầy HLT Nguyen_CLC
816	Sample holder đĩa 9.0 mm (2 pcs)	012177	ALS					cái	1		Thầy HLT Nguyen_CLC
817	Co(NO3)2.6H2O				Trung quốc	Xilong		Chai 500g	1		Thầy Khoa_CLC
818	CuCl2.2H2O (PA)				Trung quốc	Xilong		Chai 500g	2		Thầy Khoa_CLC
819	CuSO4.5H2O (PA)				Trung quốc	Xilong		Chai 500g	2		Thầy Khoa_CLC
820	Cu(NO3)2.3H2O (PA)				Trung quốc	Xilong		Chai 500g	2		Thầy Khoa_CLC
821	Zn(NO3)2.6H2O (PA)				Trung quốc	Xilong		Chai 500g	2		Thầy Khoa_CLC
822	ZnSO4.7H2O (PA)				Trung quốc	Xilong		Chai 500g	3		Thầy Khoa_CLC
823	Bi(NO3)3.5H2O				Trung quốc	Xilong		Chai 500g	2		Thầy Khoa_CLC
824	NH4VO3				Trung quốc	Xilong		Chai 500g	2		Thầy Khoa_CLC
825	MnSO4.H2O				Trung quốc	Xilong		Chai 500g	1		Thầy Khoa_CLC
826	MnCl2				Trung quốc	Xilong		Chai 500g	1		Thầy Khoa_CLC
827	NiCl2.6H2O				Trung quốc	Xilong		Chai 500g	1		Thầy Khoa_CLC
828	Ni(NO3)2				Trung quốc	Xilong		Chai 500g	1		Thầy Khoa_CLC
829	La(NO3)3				Trung quốc	Xilong		Chai 100g	3		Thầy Khoa_CLC
830	Ce(NO3)3.6H2O				Trung quốc	Xilong		Chai 100g	5		Thầy Khoa_CLC
831	ZrOCl2				Trung quốc	Xilong		Chai 100g	1		Thầy Khoa_CLC
832	SPADNS reagent				Ấn Độ	Alpha Chemika		Chai 25g	1		Thầy Khoa_CLC
833	cối sứ mã nảo				Đức		Tỉ trọng: 2,6 g/cm3 - Độ cứng: 7 (Mohs scale) - Điểm chảy: 1.800-2.000°C - Kháng nén: 110 Kg/mm2	bộ: chày và cối	1		Thầy Khoa_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
							- Kháng gãy, nứt: 210 Kg/mm2				
834	Cuộn graphite (Flexible Graphite Roll, 010"x39.4"x100')				Trung quốc			cuộn	1		Thầy Khoa_CLC
835	TLC Silica gel 60 RP-18 F254S				Germany	Merck		hộp	1		Cô Xuân Thi_CLC
836	Silicagel đảo, ODS C18 (Endcapped) Sorbent	Code: S180100				Agela (Phenomenex Group)		lọ	1		Cô Xuân Thi_CLC
837	CDC13-cambridge Isotope laboratories Inc				USA			chai	1		Cô Xuân Thi_CLC
838	Silica gel 60 F254 25 TLC aluminim sheet/ 25 tờ/hộp				Germany	Merck		hộp	1		Cô Xuân Thi_CLC
839	Ethanol công nghiệp				Việt Nam			Can 30 lít	1		Thầy Tránh_CLC
840	Acetone công nghiệp				Việt Nam			Can 30 lít	1		Thầy Tránh_CLC
841	Acid acetic				Trung Quốc	Xilong		chai 500ml	4		Thầy Tránh_CLC
842	HCl				Trung Quốc	Xilong		chai 500ml	2		Thầy Tránh_CLC
843	H2SO4				Trung Quốc	Xilong		chai 500ml	2		Thầy Tránh_CLC
844	Melamine				Ấn Độ	Oxford		Chai 500g	2		Thầy Tránh_CLC
845	ammonium carbonate				Trung Quốc	Xilong		chai 500ml	4		Thầy Tránh_CLC
846	Micropipet				Trung Quốc	Dragon Lab		Cái	1		Thầy Tránh_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
847	Toluene				Trung Quốc	Xilong		chai 500ml	4		Thầy Tránh_CLC
848	Ethyl acetate				Trung Quốc	Xilong		chai 500ml	3		Thầy Tránh_CLC
849	H2O2				Trung Quốc	Xilong		chai 500ml	6		Thầy Tránh_CLC
850	Găng tay y tế				Việt Nam			Hộp	3		Thầy Tránh_CLC
851	Dibutyltin dilaurate				Trung Quốc	Xilong		chai 500g	1		Thầy Tránh_CLC
852	Nafion 117 perfluorinated resin solution ~5% in a mixture of lower aliphatic alcohols and water		Macklin					100ml/cha i	1		Thầy Thái Hoàng_CLC
853	Khẩu trang y tế		Việt Nam					Hộp/ 50c	5		Thầy Thái Hoàng_CLC
854	Găng tay size M		Top Glove					Hộp/ 100c	5		Thầy Thái Hoàng_CLC
855	Găng tay size L		Top Glove					Hộp/ 100c	5		Thầy Thái Hoàng_CLC
856	Nước rửa chén		Sunlight					Chai/750g	4		Thầy Thái Hoàng_CLC
857	Giấy vệ sinh Co.op Select 2 lớp		Co.op Select		Việt Nam			Cuộn/900 g	4		Thầy Thái Hoàng_CLC
858	Dụng cụ đo pH/mV/nhiệt độ		SI ANALYTICS LAB 845		Đức	SI ANALYTICS		cái	1		Thầy HPhuong_CLC
859	Dung dịch chuẩn pH 7		Mettler Toledo		Thụy Sĩ	Mettler Toledo		Chai 250 mL	1		Thầy HPhuong_CLC
860	Dung dịch chuẩn pH 4		Mettler Toledo		Thụy Sĩ	Mettler Toledo		Chai 250 mL	1		Thầy HPhuong_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
861	Dung dịch chuẩn pH 9.21		Mettler Toledo		Thụy Sĩ	Mettler Toledo		Chai 250 mL	1		Thầy HPuong_CLC
862	Epichlorohydrin		Macklin		Trung Quốc	Macklin		chai 500 mL	1		Thầy HPuong_CLC
863	bis(2-ethylhexyl) phosphoric acid		Sigma-Aldrich		Mỹ	Sigma-Aldrich		25 g	1		Thầy HPuong_CLC
864	4-(bromomethyl) benzoic acid		Sigma-Aldrich		Mỹ	Sigma-Aldrich		25g	1		Thầy HPuong_CLC
865	4-(bromomethyl) benzenesulfonic acid		Sigma-Aldrich		Mỹ	Sigma-Aldrich		25g	1		Thầy HPuong_CLC
866	Methanol		Xilong		TQ	Xilong		Chai 500 mL	5		Thầy HPuong_CLC
867	Methanol		Fisher		TQ	Fisher		Chai 4L	2		Thầy HPuong_CLC
868	Dimethyl sulfoxide		Fisher		Mỹ	Fisher		Chai 2.5 L	2		Thầy HPuong_CLC
869	Xylose		HIMEDIA		Ấn Độ	HIMEDIA		Chai 100 g	1		Thầy HPuong_CLC
870	Isopropyl Alcohol		Xilong		TQ	Xilong		Chai 500 mL	4		Thầy HPuong_CLC
871	Ethyl Acetate		Fisher		Mỹ	Fisher		Chai 2.5 L	1		Thầy HPuong_CLC
872	Glycerol		Xilong		TQ	Xilong		Chai 500 mL	1		Thầy HPuong_CLC
873	Hydrochloric acid		Xilong		TQ	Xilong		Chai 500 mL	2		Thầy HPuong_CLC
874	5-Hydroxymethylfurfural		Macklin		TQ	Macklin		Chai 5 g	1		Thầy HPuong_CLC
875	p-Toluenesulfonic acid monohydrate		HIMEDIA		Ấn Độ	HIMEDIA		Chai 100 g	1		Thầy HPuong_CLC
876	Filter Nylon 0.45 µm		Biosharp		Việt Nam	Biosharp		100 cái/hộp	4		Thầy HPuong_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
877	Chai thủy tinh Vial trắng 20ml+ Nắp vận kín		ALWSC I		Trung Quốc		20 ml	cái	100		Thầy Khương_CLC
878	Petri thủy tinh 150/25mm- Hiệu DINLAB Laborgeräte (thùng 72 cái)		Dinlab					cái	8		Thầy Khương_CLC
879	Cốc thủy tinh 250ml/ ONELAB				Trung Quốc			cái	10		Thầy Khương_CLC
880	AgNO3_chai 100g				Trung Quốc		Chai/ 100g	chai	1		Thầy Khương_CLC
881	CTAC				Trung Quốc		Chai/ 100g	chai	3		Thầy Khương_CLC
882	CTAB				Ấn Độ		Chai/ 100g	chai	8		Thầy Khương_CLC
883	Thiết bị rửa siêu âm 6 lít, có gia nhiệt Model: CR-031S/ONELAB	CR-031S (Degas & Semiwave)	ONELAB		Trung Quốc		Thể tích: 6.5 lít. Cung cấp bao gồm: bể chính+nắp+giá giữ mẫu+dây nguồn+ Tài liệu HDSD Kích thước bể: 300x150x150 mm. Công suất đầu siêu âm: 180 W. Tần số: 40 KHZ. Công suất điện trở gia nhiệt: 300 W. Thời gian: 0 – 30 phút.	Cái	1		Cô TDuong_CLC
884	Ống nghiệm COD có nắp 10mL 16x100mm.Nắp vận kín	C0002064	Alwsci		Trung Quốc		Ống nghiệm COD 10ML 16x100mm nắp vận kín 15-415 PP trắng ALWSC I C0002064 septa	Hộp/ 25c	1		Cô TDuong_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
							1.5mm PTFE / silicon				
885	Glycerol >99% (Glyxerin, glycerin, hay glyxerol; AR, Chai 500ML, Xilong, Cas 56-81-5)		Xilong		Trung Quốc		Độ tinh khiết 99%	Chai 500 mL	2		Cô TDuong_CLC
886	Bột mịn Chitosan				Việt Nam		Độ Deacetyl hóa (DD%): ~ 90%	Bịch 100 gr	1		Cô TDuong_CLC
887	Sodium Carbonate 99.8% (Na ₂ CO ₃ , Chai 500G, AR, Xilong, Cas 497-19-8)		Xilong		Trung Quốc		Độ tinh khiết 99%	Chai 500 gr	1		Cô TDuong_CLC
888	Bạc Nitrat Silver Nitrate AgNO ₃ CAS 7761-88-8		AR		Trung Quốc		Độ tinh khiết 99%	Chai 5 gr	1		Cô TDuong_CLC
889	Hóa chất Acetic Acid (AR, Xilong, Cas 64-19-7)		Xilong		Trung Quốc		Độ tinh khiết 99%	Chai 500 mL	1		Cô TDuong_CLC
890	Bình cầu đáy tròn cổ nhám 19/26 100 mL		Biohall German y		Đức			Cái	4		Cô TDuong_CLC
891	Cá từ 10x5 mm	DCTH2704	Isolab					Con	4		Cô TDuong_CLC
892	sephadex lh 20, CAS: 9041-37-6							Lọ 50 gr	1		Cô TDuong_CLC
893	Bảng mỏng silicagel RP-18 pha đảo	1055590001	Merck					Hộp	1		Cô TDuong_CLC
894	Bản mỏng Silicagel 60 F254	1055540001	Merck					Hộp	1		Cô TDuong_CLC
895	Methyl iodide, CAS Number: 74-88-4		Macklin		Trung Quốc		Độ tinh khiết 99%	Chai 25 gr	1		Cô TDuong_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
896	Ethyl iodide, CAS Number: 75-03-6		Macklin		Trung Quốc		Độ tinh khiết 99%	Chai 100 gr	1		Cô TDuong_CLC
897	Ống đong 500 mL		ONELA B		Việt Nam			Cái	1		Cô TDuong_CLC
898	L-Proline, CAS: 147-85-3		Macklin		Trung Quốc		Độ tinh khiết 99%	Chai 500 gr	1		Cô TDuong_CLC
899	Silica gel 60 F254 25 TLC aluminium sheets (20 x 20 cm)		Merck					Hộp	1		Thầy Tài_CLC
900	Silica gel Himedia (200-400 Mesh) for flash chromatography		Himedia Ấn độ					Chai 500 g	1		Thầy Tài_CLC
901	Cột sắc ký dài 40 cm, θ trong = 2.5 cm, đầu trên nhám 19/26, khóa teflon		VN					Cái	1		Thầy Tài_CLC
902	Cột sắc ký dài 40 cm, θ trong = 3.0 cm, đầu trên nhám 29/32, khóa teflon		VN					Cái	1		Thầy Tài_CLC
903	Cột sắc ký dài 40 cm, θ trong = 3.5 cm, đầu trên nhám 29/32, khóa teflon		VN					Cái	1		Thầy Tài_CLC
904	Cột sắc ký dài 40 cm, θ trong = 4.2 cm, đầu trên nhám 29/32, khóa teflon		VN					Cái	1		Thầy Tài_CLC
905	Bình lỏng 125 ml, khóa teflon, nắp teflon		Onelab					Cái	1		Thầy Tài_CLC
906	Bình lỏng 250 ml, khóa teflon, nắp teflon		Onelab					Cái	1		Thầy Tài_CLC
907	Bình lỏng 500 ml, khóa teflon, nắp teflon		Onelab					Cái	1		Thầy Tài_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
908	Bình cầu 100 mL, 1 cổ nhám 29/32		Biohall					Cái	1		Thầy Tài_CLC
909	Bình cầu 250 mL, 1 cổ nhám 29/32		Biohall					Cái	1		Thầy Tài_CLC
910	Bình cầu 500 mL, 1 cổ nhám 29/32		Biohall					Cái	1		Thầy Tài_CLC
911	Bình cầu 100 mL, 2 cổ nhám 29/32 và 14/23		Biohall					Cái	1		Thầy Tài_CLC
912	Bình cầu 250 mL, 2 cổ nhám 29/32 và 14/23		Biohall					Cái	1		Thầy Tài_CLC
913	Bình cầu 500 mL, 2 cổ nhám 29/32 và 14/23		Biohall					Cái	1		Thầy Tài_CLC
914	Cá từ thẳng 2cm (Thanh khuấy từ 6*20mm)		Dinlab					Cái	1		Thầy Tài_CLC
915	Cá từ thẳng 3cm (Thanh khuấy từ 6*30mm)		Dinlab					Cái	1		Thầy Tài_CLC
916	Cá từ trứng 2cm (Thanh khuấy từ Oval 8mm x 20mm)		Dinlab					Cái	1		Thầy Tài_CLC
917	Cá từ trứng 3cm (Thanh khuấy từ Oval 10mm x 30mm)		Dinlab					Cái	1		Thầy Tài_CLC
918	Pipette pasteur thủy tinh 150 mm		Onelab					Hộp	1		Thầy Tài_CLC
919	Pipette pasteur thủy tinh 230 mm		Onelab					Hộp	1		Thầy Tài_CLC
920	Đầu bóp cao su silicon ống nhỏ giọt (màu trắng) - Ống bóp 3ml		TQ					Cái	1		Thầy Tài_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
921	Giấy pH		TQ					Tép	1		Thầy Tài_CLC
922	Salicylaldehyde		TQ					Chai 250 mL	1		Thầy Tài_CLC
923	Salicylaldehyde		TQ					Chai 1 L	1		Thầy Tài_CLC
924	4'-Methyl acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
925	4'-Methoxy acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
926	4'-Hydroxy acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
927	4'-Fluoro acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
928	4'-Chloro acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
929	4'-Bromo acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
930	4'-Nitro acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
931	4-Cyano acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
932	3'-Methyl acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
933	3'-Methoxy acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
934	3'-Hydroxy acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
935	3'-Fluoro acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
936	3'-Chloro acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
937	3'-Bromo acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
938	3'-Nitro acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
939	3-Cyano acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
940	2'-Methyl acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
941	2'-Methoxy acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
942	2'-Hydroxy acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
943	2'-Fluoro acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
944	2'-Chloro acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
945	2'-Bromo acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
946	2'-Nitro acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
947	2-Cyano acetophenone		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
948	4-Methylbenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
949	4-Methoxybenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
950	4-Hydroxybenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
951	4-Fluorobenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
952	4-Chlorobenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
953	4-Bromobenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
954	4-Nitrobenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
955	4-Cyanobenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
956	3-Methylbenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
957	3-Methoxybenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
958	3-Hydroxybenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
959	3-Fluorobenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
960	3-Chlorobenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
961	3-Bromobenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
962	3-Nitrobenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
963	3-Cyanobenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
964	2-Methylbenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
965	2-Methoxybenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
966	2-Hydroxybenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
967	2-Fluorobenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
968	2-Chlorobenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
969	2-Bromobenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
970	2-Nitrobenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
971	2-Cyanobenzaldehyde		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC
972	Hydroxylamine hydrochloride		TQ					Chai 100 g	1		Thầy Tài_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
973	Hydrazine hydrate		TQ					Chai 100 mL	1		Thầy Tài_CLC
974	Hydrazine hydrate		TQ					Chai 500 mL	1		Thầy Tài_CLC
975	CS2		TQ					Chai 500 mL	1		Thầy Tài_CLC
976	Ethylene glycol		VN					Chai 500 mL	1		Thầy Tài_CLC
977	Hexane		VN					Chai 500 mL	1		Thầy Tài_CLC
978	Ethyl acetate		VN					Chai 500 mL	1		Thầy Tài_CLC
979	Toluene		VN					Chai 500 mL	1		Thầy Tài_CLC
980	Dichloromethane		VN					Chai 500 mL	1		Thầy Tài_CLC
981	Chloroform		VN					Chai 500 mL	1		Thầy Tài_CLC
982	Acetone		VN					Chai 500 mL	1		Thầy Tài_CLC
983	Acetonitrile		VN					Chai 500 mL	1		Thầy Tài_CLC
984	Ethanol tinh khiết		VN					Chai 1 L	1		Thầy Tài_CLC
985	Cồn 96 CN		VN					Lít	1		Thầy Tài_CLC
986	Acetone CN		VN					Lít	1		Thầy Tài_CLC
987	Titania past, transparent, Sigma Aldrich	791547-20g				Sigma Aldrich		Chai 20g	1		Cô TPhuong_CLC
988	1-ethyl-3-methylimidazolium iodide, 97%, Sigma Aldrich	713031-50g				Sigma Aldrich		Chai 50g	1		Cô TPhuong_CLC
989	Platinum paste, Sigma Aldrich	791512-20g				Sigma Aldrich		Chai 20g	1		Cô TPhuong_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
990	1-Ethyl-3-methylimidazolium tetracyanoborate, Sigma Aldrich	742099-80-5				Sigma Aldrich		Chai 25g	1		Cô TPhuong_CLC
991	1-methylbenzimidazole, Sigma Aldrich	3399353-5g				Sigma Aldrich		chai 5g	1		Cô TPhuong_CLC
992	Titanium tetrachloride	7550-45-0						Chai 500 ml	1		Cô TPhuong_CLC
993	Methylammonium iodide, 98% – Sigma Aldrich	793493-5G				Sigma Aldrich		Chai 5G	1		Cô TPhuong_CLC
994	Monochlorobenzene, Xilong	108-90-7				Xilong, TQ		Chai 500 g	1		Cô TPhuong_CLC
995	Terpineol, Sigma Aldrich	8000-41-7				Sigma Aldrich		Chai 1kg	1		Cô TPhuong_CLC
996	Methanol >99%, Xilong	67-56-1				Xilong, TQ		Chai 500ml,	1		Cô TPhuong_CLC
997	Methanol HPLC 4L – mã sản phẩm ME03374000 - hãng Scharlau	67-56-1				Scharlau		Chai 4L	1		Cô TPhuong_CLC
998	Diethyl ether, Xilong	60-29-7				Xilong, TQ		Chai 500 ml	1		Cô TPhuong_CLC
999	Ethanol, Sigma Aldrich	64-17-5				Sigma Aldrich		Chai 500 ml	1		Cô TPhuong_CLC
1000	Tetrabutylammonium tetrafluoroborate, Sigma Aldrich, 99 %, Thụy Sĩ	429-42-5				Sigma Aldrich		Chai 25g và 100g	1		Cô TPhuong_CLC
1001	Dopamine					Tất cả các hãng		Chai	1	Báo giá tất cả các hãng và các lọ đóng gói khác nhau	Cô TPhuong_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
1002	Titania paste, reflector	791539				Sigma Aldrich		Chai 20 g	1		Cô TPhuong_CLC
1003	Celite 545 particle size 0.02-0.1 mm 250g, Merck	68855-54-9						Chai 250g	1		Cô TPhuong_CLC
1004	Methylammonium chloride	8060200250						Chai 250g	1		Cô TPhuong_CLC
1005	1,4-Dicyanonaphthalene	3029-30-9				TCI, Nhật Bản		Chai 5 g và 25 gam	1	Tokyo Chemical Industry Co., Ltd.	Cô TPhuong_CLC
1006	ethanol				Trung Quốc	Trung Quốc		Chai/500 mL	20		Thầy Sơn Hải_CLC
1007	n-hexane				Trung Quốc	Trung Quốc		Chai/500 mL	10		Thầy Sơn Hải_CLC
1008	Acetone				Trung Quốc	Trung Quốc		Chai/500 mL	15		Thầy Sơn Hải_CLC
1009	Acid nitric				Trung Quốc	Trung Quốc		Chai/500 mL	5		Thầy Sơn Hải_CLC
1010	Acid hydrochloric				Trung Quốc	Trung Quốc		Chai/500 mL	5		Thầy Sơn Hải_CLC
1011	Bộ sàng rây thí nghiệm tiêu chuẩn 30cm Inox không gỉ có nắp và đáy sàng.				Trung quốc	Onelab		Chai/500 mL	1		Thầy Sơn Hải_CLC
1012	Sodium hydroxide 96%,NaOH, AR				Trung Quốc	Trung Quốc		Chai/500g	10		Thầy Sơn Hải_CLC
1013	N,N-Dimethylformamide, C3H7NO. Chai 500ml				Trung Quốc	Trung Quốc		Chai/ 500ml	5		Thầy Sơn Hải_CLC
1014	NaCl				Trung Quốc	Trung Quốc		Chai/500g	10		Thầy Sơn Hải_CLC
1015	TLC Silica gel 60 F ₂₅₄ (Bản mỏng sắc ký)	1.05554.0001			Đức	Merck		Hộp	1		A.Trường Hải_CLC
1016	Silica gel 60	GE0049			TBN	Scharlau	0,04 - 0,06 mm	Chai	1		A.Trường Hải_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
1017	Bình cầu 1 cổ nhám đáy tròn 25ml	BLS.1209.02			Đức	Biohall	25ml-14/23 Biohall	Cái	5		A.Trường Hải_CLC
1018	Cá từ				Đức	Isolab	10 mm x 6 mm	Cái	5		A.Trường Hải_CLC
1019	Bể rửa siêu âm				Trung Quốc	Total Meter	Dung tích 2 L, tần số siêu âm 40 kHz.	Cái	1		A.Trường Hải_CLC
1020	Ống nghiệm COD	C0002064			Trung Quốc	ALWSCI	10 mL, 16 x 100mm	Hộp	1		A.Trường Hải_CLC
1021	Hexane	110-54-3					C ₆ H ₁₄	Phuy (138 kg)	1		A.Trường Hải_CLC
1022	Acetone	67-64-1					C ₃ H ₆ O 99%	Phuy (160 kg)	1		A.Trường Hải_CLC
1023	Máy khuấy từ gia nhiệt	HS-17			Trung Quốc		3 l, Speed: 0-1600 rpm, Temp.: RT-380 oC, 17 cm x 17 cm	Bếp	1		A.Trường Hải_CLC
1024	Bảng mỏng silicagel 60	F254			Đức	Merck		cái	1		Anh Tùng_CLC
1025	Bình cầu đáy tròn 3 cổ N24/29, 2*14/23 250ml							cái	1		Anh PPhu_CLC
1026	Sinh hàn N14/23 ruột xoắn							cái	1		Anh PPhu_CLC
1027	Van điều chỉnh lưu lượng khí Nito							cái	1		Anh PPhu_CLC
1028	Alumium oxide							500g/lọ	1		Anh PPhu_CLC
1029	Ethanol		Scharlau		Tây Ban Nha			Chai	5		Cô Hương_CLC
1030	Bao tay cao su size L		Top Glove		Malaysia			Hộp	5		Cô Hương_CLC
1031	Giấy nhôm				Việt Nam			Cuộn	2		Cô Hương_CLC
1032	Khăn giấy		Select		Việt Nam			Hộp	6		Cô Hương_CLC
1033	Phễu Bunchner							Cái	1		Cô Hương_CLC
1034	Nút bần							Cái	2		Cô Hương_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
1035	Sulfamethoxazole							Lọ			Cô Hương_CLC
1036	Trimethoprim				Việt Nam	Viện kiểm nghiệm thuốc trung ương		Lọ	1		Cô Hương_CLC
1037	Zinc Nitrate hexahydrate							chai	1		Cô Hương_CLC
1038	Iron III chloride hexahydrate							chai	1		Cô Hương_CLC
1039	D-glucose anhydrous							chai	1		Cô Hương_CLC
1040	Bảng mỏng sắc ký, TLC Silica gel 60 F254				Đức	Merck		Hộp	4		Cô LThu_CLC
1041	Ninhydrin				Trung Quốc			Chai/5 g	1		Cô ThuPhuong_CLC
1042	Giấy cân 10 x 10 cm	C14650 004P	ONELA B					Hộp/ 500 tờ	1		Cô ThuPhuong_CLC
1043	<i>tert</i> -Butanol		Xilong					Chai/500 ml	1		Cô ThuPhuong_CLC
1044	Tris(3-hydroxypropyltriazolylmethyl)amine	T405015-50mg	Aladin					Chai/50 mg	1	CAS No.760952-88-3	Cô ThuPhuong_CLC
1045	NaHCO ₃		Xilong					Chai/500 g	1		Cô ThuPhuong_CLC
1046	Isopropanol, CH ₃ CHOHCH ₃	67-63-0	Chemsol					Chai/500 ml	4		Cô ThuPhuong_CLC
1047	Triethylamine				Trung Quốc			Chai/500 ml	1		Cô ThuPhuong_CLC
1048	Diethyl ether		Vinachem		Việt Nam			Chai/500 ml	1		Cô ThuPhuong_CLC
1049	Đầu lọc Syringe PTFE 13mm lỗ lọc 0.45 µm	PTFE013N045O			Finetech			Hộp/100 cái	1		Cô ThuPhuong_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
1050	Kim tiêm sắc ký 100 uL		SGE by Trajan					cái	1		Cô ThuPhuong_CLC
1051	Khí Ar		Vạn tấn Phát					binh	3	Khí	Cô ThuPhuong_CLC
1052	5-Hydroxymethylfurfuran		Macklin		TQ	Macklin		Chai 5g	1		Thầy NBPPhan_CLC
1053	Methanol (HPLC Grade 4L)		Thermo Fisher		Mĩ	Thermo Fisher		4 L	2		Thầy NBPPhan_CLC
1054	giấy lọc 180 mm		Newstar		TQ	Newstar		Hộp 180 mm	3		Thầy NBPPhan_CLC
1055	giấy lọc 110 mm		Newstar		TQ	Newstar		Hộp 110 mm	5		Thầy NBPPhan_CLC
1056	Phễu lọc 100 mm		Onelab		TQ	Onelab		Cái 100 mm	2		Thầy NBPPhan_CLC
1057	Phễu lọc 75 mm		Onelab		TQ	Onelab		Cái 75 mm	3		Thầy NBPPhan_CLC
1058	Quả bóp silicon 1 mL				TQ			1 mL	20		Thầy NBPPhan_CLC
1059	Micropipette 0.5-10 uL		JOANL AB		TQ	JOANLA B		Cây 10 uL	1		Thầy NBPPhan_CLC
1060	Micropipette 10-100 uL		JOANL AB		TQ	JOANLA B		Cây 100 uL	1		Thầy NBPPhan_CLC
1061	Micropipette 100-1000 uL		JOANL AB		TQ	JOANLA B		Cây 1000 uL	1		Thầy NBPPhan_CLC
1062	Micropipette 1000-5000 uL		JOANL AB		TQ	JOANLA B		Cây 5000 uL	1		Thầy NBPPhan_CLC
1063	Bình định mức 250 mL		ISOLA B		Đức	ISOLAB		Bình 250 mL	2		Thầy NBPPhan_CLC
1064	Bình định mức 100 mL		ISOLA B		Đức	ISOLAB		Bình 100 mL	2		Thầy NBPPhan_CLC
1065	Bình định mức 50 mL		ISOLA B		Đức	ISOLAB		Bình 50 mL	4		Thầy NBPPhan_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
1066	Bình định mức 20 mL		ISOLA B		Đức	ISOLAB		Bình 25 mL	4		Thầy NBP Nhan_CLC
1067	Bình định mức 10 mL		ISOLA B		Đức	ISOLAB		Bình 10 mL	4		Thầy NBP Nhan_CLC
1068	Đầu tuýp 10 uL				TQ			Túi 1000 cái	1		Thầy NBP Nhan_CLC
1069	Đầu tuýp 200 uL				TQ			Túi 1000 cái	1		Thầy NBP Nhan_CLC
1070	Đầu tuýp 1000 uL				TQ			Túi 500 cái	1		Thầy NBP Nhan_CLC
1071	Đầu tuýp 5000 uL				TQ			Túi 500 cái	1		Thầy NBP Nhan_CLC
1072	Bình trung tính 100 mL		Onelab		TQ	Onelab		Bình	2		Thầy NBP Nhan_CLC
1073	Bình trung tính 250 mL		Onelab		TQ	Onelab		Bình	3		Thầy NBP Nhan_CLC
1074	Bình trung tính 500 mL		Onelab		TQ	Onelab		Bình	3		Thầy NBP Nhan_CLC
1075	Máy khuấy cơ							Cái	1		Cô VTHai_CLC
1076	Bảng mỏng silica gel TLC Silica gel 60 F254	1055540001	Merck	2025				Hộp 25 tấm	2		Cô YNhi_CLC
1077	Chloroform	67-66-3	Chemsol	2025	Việt Nam			Chai/4L	4		Cô YNhi_CLC
1078	n-Butanol	71-36-3		2025				chai/500mL	10		Cô YNhi_CLC
1079	H ₂ SO ₄ đặc	7664-93-9	Xi Long	2025	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng Độ 98%	Chai/500 ml	0		Cô YNhi_CLC
1080	Acetone		Xi Long	2024	Trung Quốc	Xilong Scientific	Nồng độ 99.5% . Hàm lượng Độ ẩm H ₂ O <= 0,1 %	Chai 500mL	5		Cô YNhi_CLC
1081	Cột sắc ký 700*1.5 mm		ONELAB	2025	Việt Nam		Vật liệu: Thủy tinh Khóa nhựa PTFE, nhám 19/26 Kích thước: 700 x	Cái	4		Cô YNhi_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
							1.5 mm				
1082	Cột sắc ký 700*1 mm		ONELA B	2025	Việt Nam		Vật liệu: Thủy tinh Khóa nhựa PTFE, nhám 29/32 Kích thước: 700 x 1 mm	Cái	4		Cô YNhi_CLC
1083	Cột sắc ký 800*4 mm		ONELA B	2025	Việt Nam		Vật liệu: Thủy tinh Khóa nhựa PTFE, nhám 29/32 Kích thước: 800 x 4 mm	Cái	2		Cô YNhi_CLC
1084	2-Methoxybenzaldehyde (ORTHO-ANISALDEHYDE, 98%)	109622-100G	Sigma					Chai/100g	1		Thầy Vinh_CLC
1085	2-Nitrobenzaldehyde, 98+%	A11501.22	Alfa Aesar					Chai/100g	1		Thầy Vinh_CLC
1086	2-Chlorobenzaldehyde	8202760250	Merck					Chai/250ml	1		Thầy Vinh_CLC
1087	m-Tolualdehyde	T35505-100G	Sigma					Chai/100g	1		Thầy Vinh_CLC
1088	m-Anisaldehyde	129658-100G	Sigma					Chai/100g	1		Thầy Vinh_CLC
1089	2-Methylbenzaldehyde										Thầy Vinh_CLC
1090	Bảng mỏng sắc ký, TLC Silica gel 60 F254	1055540001	Đức/Merck					Hộp/25 tấm	8		Cô Diệu Bình_CLC
1091	Cerium(III) nitrate hexahydrate	Ce(NO ₃) ₃ · 6 H ₂ O	10294-41-4		Đức	Merck	muối bột	100 gam	1		Thầy Luân_CLC
1092	Silver nitrate	AgNO ₃	7761-88-8.100		Trung quốc	Xilong	Muối bột	100 gam	1		Thầy Luân_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
1093	Neodymium(III) nitrate hexahydrate	Nd(NO ₃) ₃ .6 H ₂ O	289175		Mỹ	Sigma aldrich	Muối bột	100 gam	1		Thầy Luân_CLC
1094	Ferrocene				Trung Quốc		100g	chai	1		Thầy HTVu_CLC
1095	Congo Red				Trung Quốc		25g	chai	1		Thầy HTVu_CLC
1096	K ₃ [Fe(CN) ₆]				Trung Quốc		100g	chai	1		Thầy HTVu_CLC
1097	Pyrrole				Trung Quốc		100ml	chai	1		Thầy HTVu_CLC
1098	Ammonium persulfate				Trung Quốc		500g	chai	1		Thầy HTVu_CLC
1099	Acetone				Trung Quốc		500ml	chai	1		Thầy HTVu_CLC
1100	Ethylene glycol				Trung Quốc		500ml	chai	1		Thầy HTVu_CLC
1101	Polydimethylsiloxane				Trung Quốc		500g	chai	1		Thầy HTVu_CLC
1102	Diammonium Hydrogen Phosphate ((NH ₄) ₂ HPO ₄)	CAS 7783-28-0			Trung Quốc	Xilong (AR)		Chai 500 g	1		Cô Huệ Ngân_CLC
1103	Ethylene glycol	CAS 107-21-1			Trung Quốc	Xilong (AR)		Chai 500 mL	1		Cô Huệ Ngân_CLC
1104	Disodium Hydrogen Phosphate Dodecahydrate (Na ₂ HPO ₄ .12H ₂ O)	CAS 10039-32-4			Trung Quốc	Xilong (AR)		Chai 500 g	3		Cô Huệ Ngân_CLC
1105	Cồn Công Nghiệp 99.9%	CAS 67-56-1			Việt Nam	QTC chemical		Can 20 L	1		Cô Huệ Ngân_CLC
1106	Calcium Chloride Dihydrate (CaCl ₂ .2H ₂ O)	CAS 10035-04-8			Trung Quốc	Xilong (AR)		Chai 500 g	1		Cô Huệ Ngân_CLC
1107	Ammonium persulfate ((NH ₄) ₂ S ₂ O ₈)	CAS 7727-54-0			Trung Quốc	Xilong (AR)		Chai 500 g	1		Cô Huệ Ngân_CLC
1108	Giấy đo pH 1-14	0002-2019			Trung Quốc	Newstar		Hộp	1		Cô Huệ Ngân_CLC
1109	Ống đong 10 mL	ONEL.10511.00010			Mỹ	Onelab		Cái	1		Cô Huệ Ngân_CLC
1110	Ống đong 50 mL	ONEL.10511.00050			Mỹ	Onelab		Cái	1		Cô Huệ Ngân_CLC

STT	Tên sản phẩm	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú	Mã thực tập
1111	Cá từ thăng có vòng 3 cm - Loại B							Cái	2		Cô Huệ Ngân_CLC
1112	Cá từ thăng có vòng 4 cm - Loại B							Cái	2		Cô Huệ Ngân_CLC
1113	Màng lọc vi sinh MCE 0.2um, 47mm	A020H047A			Nhật Bản	Advantec		Hộp	1		Cô Huệ Ngân_CLC
1114	Màng lọc vi sinh MCE lưới 0.45µm, 47mm, trắng	A045H047A			Nhật Bản	Advantec		Hộp	1		Cô Huệ Ngân_CLC
1115	Sodium phosphate monobasic dihydrate (NaH ₂ PO ₄ .2H ₂ O)	CAS 13472-35-0			Trung Quốc	Xilong (AR)		Chai 500 g	1		Cô Huệ Ngân_CLC
1116	Carbon Felt 1000mm x 1000mm x 5.0mm	1-65-39108			Việt Nam	AS ONE		Khô 500×350×50 mm	1		Cô Huệ Ngân_CLC
1117	Iodine (I ₂)	CAS 7553-56-2			Trung Quốc	Xilong (AR)		Chai 250 g	1		Cô Huệ Ngân_CLC

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thành tiền (Đã bao gồm thuế GTGT)	Thời gian giao hàng	Ghi chú
1.													
2.													

Điều khoản thương mại:

- Thời hạn hiệu lực của báo giá:
- Thời gian giao hàng:
- Điều khoản thanh toán:
- Điều khoản bảo hành